

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HDDH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 13/NQ-HDDH ngày 07/9/2021;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 26/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 3297/QĐ-DHĐN ngày 29/9/2021 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ tiến sĩ;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 338/QĐ-DHSP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

Điều 3: Thủ trưởng các đơn vị thuộc Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Đại học Đà Nẵng (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Lưu: VT, ĐT



PGS. TS. Lưu Trang

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

QUY ĐỊNH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

**(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/QĐ-DHSP ngày 29 tháng 10
năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHN)**

ĐÀ NẴNG, 2021

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 10 năm 2021

QUY ĐỊNH
Đào tạo trình độ tiến sĩ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 205/QĐ-ĐHSP ngày 29 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) được xây dựng trên cơ sở cụ thể hóa “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ” ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 26/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) (sau đây gọi tắt là Thông tư 18). Những nội dung không đề cập đến trong Quy định này được thực hiện theo Thông tư 18.

2. Văn bản này quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ, bao gồm: chương trình đào tạo; tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; tiêu chuẩn, quyền và trách nhiệm của cá nhân và các đơn vị liên quan; luận án, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ; kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo và thẩm định chất lượng luận án, tổ chức thực hiện.

3. Quy định về tuyển sinh để đào tạo trình độ tiến sĩ thực hiện theo Quyết định số 3297/QĐ-ĐHĐN ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Giám đốc ĐHĐN về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ tiến sĩ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Văn bản này áp dụng trong phạm vi Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN (viết tắt là Trường) và các đơn vị, cá nhân tham gia vào quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường; các nghiên cứu sinh (NCS) của Trường.

2. Quy định này không áp dụng đối với các chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường với các cơ sở đào tạo của nước ngoài do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng và các chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ giữa Trường với các cơ sở đào tạo của nước ngoài do hai bên cùng cấp bằng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đơn vị chuyên môn là Bộ môn quản lý ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ tiến sĩ là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp văn bằng tiến sĩ cho người học. CTĐT trình độ tiến sĩ là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả CTĐT thuộc một ngành/chuyên ngành; bao gồm yêu cầu về mục tiêu, chuẩn đầu ra (hay yêu cầu đầu ra), chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào), khối lượng học tập tối thiểu, cấu trúc và nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, các điều kiện thực hiện chương trình để đảm bảo chất lượng đào tạo.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ tiến sĩ là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.

4. Chuẩn đầu vào của CTĐT trình độ tiến sĩ là những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm mà người học cần có để theo học chương trình đào tạo.

5. Lĩnh vực đào tạo là tập hợp một số nhóm ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn hoặc nghề nghiệp, tương ứng với Danh mục giáo dục, đào tạo cấp II thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

6. Nhóm ngành đào tạo là tập hợp một số ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn, tương ứng với Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

7. Môn học, học phần (sau đây gọi chung là học phần) là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thuộc một phạm vi chuyên môn hẹp trong CTĐT.

Điều 4. Nguyên tắc đảm bảo chất lượng

1. Luận án tiến sĩ phải được đánh giá bằng các tiêu chí từng bước tiếp cận chuẩn mực quốc tế, các kết quả chính của luận án phải là các công bố khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia và quốc tế uy tín.

2. Nội dung chương trình dạy học, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, và phương thức quản lý phải hướng đến chuẩn đầu ra của CTĐT.

3. Có đầy đủ các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định khi mở ngành, duy trì ngành và mở rộng quy mô.

4. Công tác đào tạo gắn liền với nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; gắn kết hoạt động đào tạo với hoạt động nghiên cứu của các nhóm “Nhóm nghiên cứu - giảng dạy (TRT)”.

5. Thực hiện đầy đủ các quy định về kiểm định chất lượng giáo dục.

Chương II

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 5. Ngành đào tạo

1. Ngành/chuyên ngành (sau đây gọi chung là ngành) đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường được xây dựng theo Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ tiến sĩ do Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017.

2. Đối với trường hợp chưa có trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ tiến sĩ do Bộ GD&ĐT ban hành, đơn vị chuyên môn đề xuất tên ngành thí điểm trên nguyên tắc phù hợp với phân loại khoa học các ngành (chuyên ngành) và có tham khảo ngành đào tạo của các trường đại học tiên tiến.

Điều 6. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1. Phải nêu rõ kỳ vọng về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người tốt nghiệp CTĐT trình độ tiến sĩ của ngành đào tạo.

2. Phải thể hiện được định hướng đào tạo: định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghề nghiệp; đáp ứng nhu cầu của giới tuyển dụng và các bên liên quan.

3. Phải phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của Nhà trường, nhu cầu của xã hội; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học và mô tả phải phù hợp với trình độ bậc 8 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Khung trình độ Quốc gia).

Điều 7. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ tiến sĩ bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

Điều 8. Khối lượng học tập

1. Khối lượng học tập của CTĐT, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong CTĐT được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá.

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

2. Khối lượng học tập tối thiểu của CTĐT trình độ tiến sĩ là 90 tín chỉ với người có trình độ thạc sĩ, 120 tín chỉ với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành.

Điều 9. Cấu trúc và nội dung chương trình

1. Cấu trúc và nội dung CTĐT:

a) Phải thể hiện rõ vai trò của từng thành phần, học phần, sự liên kết logic và hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành phần, học phần đảm bảo thực hiện mục tiêu, yêu cầu tổng thể của CTĐT;

b) Phải thể hiện rõ đặc điểm và yêu cầu chung về chuyên môn, nghề nghiệp trong lĩnh vực, nhóm ngành đào tạo, tạo điều kiện thực hiện liên thông giữa các ngành đào tạo; đồng thời thể hiện những đặc điểm và yêu cầu riêng của ngành đào tạo;

c) Phải quy định rõ những thành phần chính yếu, bắt buộc đối với tất cả NCS; đồng thời đưa ra các thành phần bổ trợ, tự chọn để NCS lựa chọn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân;

d) Phải định hướng được cho NCS đồng thời đảm bảo tính mềm dẻo, tạo điều kiện cho NCS xây dựng kế hoạch học tập cá nhân theo tiến độ và trình tự phù hợp với năng lực, điều kiện của bản thân.

2. Mỗi thành phần, học phần của CTĐT phải quy định mục tiêu, yêu cầu đầu vào và đầu ra, số tín chỉ và nội dung, đặc điểm chuyên môn; đóng góp rõ nét trong thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

3. Yêu cầu đối với CTĐT trình độ tiến sĩ:

a) Tối thiểu 74 tín chỉ nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ;

b) Tối đa 16 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ thạc sĩ;

c) Tối thiểu 30 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ đại học.

4. Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT tiến sĩ của Trường được thực hiện theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT và Quy định của Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN.

5. Kết cấu CTĐT tiến sĩ bao gồm:

Phần 1. Các học phần ở trình độ thạc sĩ (nếu có);

Phần 2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ;

Phần 3. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

6. Các học phần ở trình độ thạc sĩ (đối với NCS có trình độ đại học) bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành tương ứng, trừ luận văn tốt nghiệp; có khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ để đảm bảo NCS đạt chuẩn đầu ra Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

7. Các học phần ở trình độ tiến sĩ nhằm nâng cao trình độ lý luận ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu. Số lượng học phần ở trình độ tiến sĩ là 7, với khối lượng từ 14 đến 16 tín chỉ, trong đó:

a) Tiểu luận tổng quan và 3 chuyên đề tiến sĩ (gọi chung là chuyên đề) có khối lượng 2 tín chỉ/chuyên đề là các học phần bắt buộc.

b) Tiểu luận tổng quan yêu cầu NCS thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ.

c) Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu NCS nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ.

8. Luận án tiến sĩ là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của NCS, thể hiện NCS có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 10. Thời gian đào tạo và hình thức đào tạo

1. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường từ 03 năm (36 tháng) đến 04 năm (48 tháng); mỗi NCS có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo được phê duyệt kèm theo quyết định công nhận NCS (**Phụ lục 10**).

2. NCS được phép hoàn thành CTĐT sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận NCS có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Phòng Đào tạo, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

3. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; NCS phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

4. Trong trường hợp NCS không có khả năng hoàn thành CTĐT đúng hạn, trước khi hết hạn 03 tháng, NCS phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Đơn xin gia hạn và kế hoạch học tập, nghiên cứu điều chỉnh của NCS phải có sự đồng ý của tập thể hướng dẫn và xác nhận của Khoa chuyên môn, gửi về Phòng Đào tạo để xem xét và trình Hiệu trưởng ra quyết định gia hạn học tập cho NCS (**Phụ lục 6**).

5. Hết thời gian gia hạn, nếu NCS không hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Phòng Đào tạo, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường, thì Hiệu trưởng quyết định cho NCS thôi học. Kết quả học tập của CTĐT trình độ tiến sĩ được bảo lưu theo quy định tại Điều 17 Quy định này.

Điều 11. Tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo

1. Đào tạo trình độ tiến sĩ được triển khai theo hình thức chính quy được quy định tại khoản 3 Điều 10 của Quy định này ở trụ sở chính hoặc tại phân hiệu đã được phép hoạt động đào tạo của cơ sở đào tạo, trừ một số hoạt động khảo sát, nghiên cứu, thí nghiệm hoặc đào tạo trực tuyến có thể được thực hiện ở ngoài cơ sở theo quy định của Trường.

2. Thời gian hoạt động giảng dạy trình độ tiến sĩ được thực hiện theo thời gian áp dụng cho đào tạo chính quy của Trường có sự phục vụ của thư viện và các đơn vị liên quan.

3. Đầu khóa học, Trường thông báo cho NCS về quy định đào tạo, CTĐT toàn khóa, kế hoạch học tập toàn khóa, đề cương chi tiết các học phần của CTĐT, kế hoạch kiểm tra, quy định về nội dung và hình thức đánh giá học phần, tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ, điểm yêu cầu tối thiểu, quy trình và thủ tục bảo vệ luận án và các quy định khác có liên quan đến khóa học.

4. Tổ chức giảng dạy các nội dung trong CTĐT tiến sĩ phải được thực hiện bằng cách phối hợp học tập trên lớp với tự học, tự nghiên cứu; coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực của ngành đào tạo và năng lực nghiên cứu khoa học độc lập, xử lý các vấn đề thực tiễn.

5. Cơ sở đào tạo được tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp khi đáp ứng quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

6. Việc đánh giá và tính điểm học phần trong CTĐT tiến sĩ được áp dụng quy định về đánh giá và tính điểm học phần theo quy chế đào tạo trình độ đại học.

7. Các cơ sở đào tạo được thỏa thuận để tổ chức giảng dạy những học phần học chung và công nhận kết quả học tập lẫn nhau.

Điều 12. Tổ chức lớp học

1. Lớp khóa học

a) Lớp khóa học tổ chức cho những NCS thuộc cùng một ngành đào tạo, trong cùng một khóa học, ổn định từ đầu khóa đến khi kết thúc khóa học, để quản lý NCS.

b) Khoa đào tạo bố trí cán bộ phụ trách lớp (trợ lý SDH) để phối hợp với Phòng Đào tạo quản lý lớp, quản lý NCS, lập kế hoạch học tập và tổ chức các hoạt động liên quan đến lớp học.

2. Lớp học phần

a) Lớp học phần được Trường tổ chức cho những NCS đăng ký cùng một học phần trong cùng một học kỳ.

b) Khoa tổ chức giảng dạy lớp học phần theo thẩm quyền quản lý của Khoa.

c) Giảng viên trực tiếp phụ trách giảng dạy lớp học phần.

d) Mã và tên lớp học phần theo quy ước hệ thống mã của Trường.

Điều 13. Đăng ký học

1. Đăng ký học các học phần

a) Trong năm học đầu tiên của khóa học, NCS phải đăng ký học và hoàn thành các học phần trong CTĐT thạc sĩ (đối với NCS có trình độ đại học) và các học phần trong CTĐT tiến sĩ (đối với NCS có trình độ thạc sĩ) trừ tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ.

b) Việc tổ chức đăng ký học các học phần trong CTĐT do Hiệu trưởng quy định trước mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện cụ thể của Trường.

c) Thông tin lớp học phần (học phần, giảng viên, lịch học, tình trạng đăng ký học, học phí,...), kết quả học tập của NCS được quản lý thống nhất trên hệ thống quản trị trường học của Trường.

2. Đăng ký tiểu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ

a) Đối với các chuyên đề mở (là chuyên đề có tên và nội dung không được quy định cụ thể trong CTĐT), NCS trao đổi với cán bộ hướng dẫn luận án xác định chuyên đề và xây dựng đề cương chuyên đề. Trường đơn vị chuyên môn thông qua tên, đề cương chuyên đề và báo cáo Phòng Đào tạo và giao cán bộ hướng dẫn luận án của NCS hướng dẫn NCS thực hiện chuyên đề.

b) Đối với các chuyên đề cố định (tên và nội dung được quy định cụ thể trong CTĐT), có thể được thực hiện bằng hình thức tự học có hướng dẫn hoặc lên lớp. Giảng viên phụ trách chuyên đề có trách nhiệm hướng dẫn những kiến thức thuộc chuyên đề cho NCS và hướng dẫn NCS tự nghiên cứu để hoàn thành chuyên đề.

c) Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ phải được hoàn thành trong thời gian tối thiểu 12 tháng trước khi NCS trình luận án cho cơ sở đào tạo để

thực hiện quy trình phân biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

3. Đăng ký học lại các học phần

a) Nếu có điểm đánh giá học phần bắt buộc ở trình độ tiến sĩ dưới 6,5 điểm, NCS phải đăng ký học lại học phần bắt buộc.

b) Nếu có điểm đánh giá học phần tự chọn ở trình độ tiến sĩ dưới 6,5 điểm, NCS có thể đăng ký học lại học phần tự chọn này hoặc học học phần tự chọn khác.

4. Khối lượng học tập của NCS được chính thức công nhận khi NCS đã nộp kinh phí đào tạo theo quy định.

Điều 14. Đánh giá kết quả học tập các học phần

1. Đối với mỗi học phần, NCS được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần, đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần.

2. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân. Điểm đạt yêu cầu đối với học phần trình độ tiến sĩ là từ 6,5 trở lên theo thang điểm 10. NCS vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. NCS vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

3. Việc tổ chức kiểm tra, đánh giá bộ phận và kết thúc học phần (học phần thuộc trình độ thạc sĩ và học phần thuộc trình độ tiến sĩ) do giảng viên phụ trách học phần đảm nhiệm theo quy định của Trường.

4. Điểm học phần phải được công bố cho NCS biết chậm nhất 30 ngày kể từ ngày thi đánh giá kết thúc học phần theo kế hoạch của Trường (**Phụ lục 4**).

5. Điểm học phần được công nhận để đánh giá khóa học là điểm cao nhất trong các lần học.

6. Các bài kiểm tra, bài thi, hồ sơ liên quan được bảo quản và lưu giữ theo quy định của Trường về bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

Điều 15. Đánh giá tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ

1. Việc đánh giá tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ được thực hiện bằng cách chấm điểm bài trình bày của NCS trước tiểu ban đánh giá.

2. Hiệu trưởng quyết định thành lập tiểu ban chuyên môn đánh giá tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ của từng NCS, theo đề nghị của Trưởng đơn vị chuyên môn. Tiểu ban chuyên môn gồm 3 thành viên (trưởng tiểu ban, thư ký và ủy viên), trong đó có ít nhất 01 người ngoài ĐHQĐN, 01 người là cán bộ hướng dẫn luận án của NCS. Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Tiểu ban như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính được quy định tại Điều 19, trừ Thư ký phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 18 của Quy định này.

3. Điểm đánh giá tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ là trung bình cộng (lấy đến một số lẻ) điểm chấm của các thành viên theo thang điểm 10 lấy lẻ đến 0,5. Điểm đạt yêu cầu đối với tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ là từ 6,5 trở lên.

4. Quy định cụ thể về tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ tại **Phụ lục 5**.

Điều 16. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Việc thay đổi đề tài luận án

a) Trường hợp thay đổi hoàn toàn tên đề tài luận án

Trong nửa đầu thời gian đào tạo của khóa học (kể cả thời gian gia hạn, nếu có), NCS không thể triển khai các nội dung nghiên cứu theo đề cương nghiên cứu, NCS làm đơn xin thay đổi tên đề tài luận án kèm theo đề cương nghiên cứu (**Phụ lục 7**). Tên đề tài và đề cương nghiên cứu mới phải được Hội đồng chuyên môn, do Hiệu trưởng thành lập trên cơ sở đề xuất của Khoa quản lý NCS thông qua.

Hội đồng đánh giá đề cương NCS gồm 05 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của NCS. Thành viên của Hội đồng gồm: chủ tịch, thư ký và các ủy viên. Các thành viên Hội đồng là cán bộ giảng dạy của khoa chuyên môn, cán bộ khoa học, giảng viên trong hoặc ngoài ĐHQĐN, có thể mời người hướng dẫn khoa học của NCS.

Quy trình, biểu mẫu bảo vệ lại đề cương nghiên cứu xem tại **Phụ lục 8**.

b) Trường hợp điều chỉnh hoặc thay đổi một phần tên đề tài luận án:

Việc điều chỉnh tên đề tài luận án được thực hiện khi NCS, người hướng dẫn đảm bảo hoàn thành CTĐT theo quy định tại khoản 2 Điều 8, trong thời gian quy định tại khoản 1 và 2, Điều 10 của Quy định này.

2. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khóa học theo quyết định công nhận NCS (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Việc thay đổi đơn vị chuyên môn phụ trách NCS được xem xét trong trường hợp ngành đào tạo do đơn vị chuyên môn trước đảm nhận không còn phù hợp với chức năng đào tạo của đơn vị. Việc thay đổi đơn vị chuyên môn phụ trách NCS do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề xuất của đơn vị quản lý chuyên môn trước, NCS và người hướng dẫn.

4. Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của NCS còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận NCS và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ. Sau khi có sự đồng ý của cơ sở đang đào tạo, thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận NCS với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại kể từ ngày ra quyết định công nhận NCS của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập nghiên cứu đã tích lũy của NCS do thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định.

Quy định về hồ sơ, thủ tục chuyển cơ sở đào tạo tại **Phụ lục 9**.

5. Việc thay đổi trong quá trình đào tạo phải kèm theo điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và bảo đảm thời gian đào tạo tuân thủ quy định tại khoản 1 và 2, Điều 10 của Quy định này.

6. NCS bị buộc thôi học trong những trường hợp sau:

a) Không hoàn thành CTĐT trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1 và 2, Điều 10 của Quy định này;

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của NCS hoặc quy định của pháp luật đã được hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận;

c) Vi phạm quy định của cơ sở đào tạo ở mức độ buộc thôi học;

Quy trình và thủ tục cho NCS thôi học liên hệ Phòng Công tác sinh viên.

Điều 17. Công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu

1. Kết quả học tập, nghiên cứu của NCS đã tích lũy trong CTĐT tiến sĩ được bảo lưu, xem xét công nhận, chuyển đổi trong những trường hợp sau:

a) NCS bị thôi học và có nguyện vọng được tiếp tục theo học CTĐT thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành;

b) NCS chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo;

c) NCS đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là NCS mới của Trường;

d) Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

2. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của NCS phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của CTĐT, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của hội đồng chuyên môn. Trường hợp chuyển cơ sở đào tạo hoặc là NCS mới, việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu tối đa không quá 50% tổng khối lượng của CTĐT.

3. Hội đồng chuyên môn xét công nhận, chuyển đổi kết quả học tập đã tích lũy của NCS do Hiệu trưởng thành lập, trên cơ sở đề xuất của đơn vị chuyên môn. Hội đồng có 5 thành viên, bao gồm: Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng (phụ trách đào tạo Sau đại học), Trưởng phòng/Phó Trưởng phòng Phòng Đào tạo (phụ trách đào tạo Sau đại học), Trưởng khoa chuyên môn, Trưởng bộ môn và người hướng dẫn NCS.

4. Quy trình thực hiện việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu của NCS tại **Phụ lục 3**.

Chương IV

TIÊU CHUẨN, QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 18. Tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ phải đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong CTĐT;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong CTĐT tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính).

Điều 19. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập NCS phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 18 của Quy định này.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn NCS, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm

trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế; hoặc của ít nhất 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

3. Mỗi NCS có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của cơ sở đào tạo hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại cơ sở đào tạo với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của NCS.

Điều 20. Quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh trong quá trình đào tạo

Nghiên cứu sinh có quyền và trách nhiệm sau:

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 60, Điều 61 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

2. Xây dựng và đề xuất kế hoạch học tập, nghiên cứu chi tiết từng năm trên cơ sở kế hoạch toàn khóa đã được phê duyệt tại quyết định công nhận NCS trong đó có kế hoạch làm việc và báo cáo với người hướng dẫn; thực hiện kế hoạch đã được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua; định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu cho đơn vị chuyên môn; đề xuất với người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

3. Tham gia sinh hoạt khoa học tại đơn vị chuyên môn như một giảng viên trợ giảng, nghiên cứu viên cơ hữu; tham gia thực hiện các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu theo phân công, đồng ý của người hướng dẫn.

4. Tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo về liêm chính học thuật, bảo đảm kết quả công bố xuất phát từ nghiên cứu của cá nhân với sự hỗ trợ của người hướng dẫn; ghi nhận và trích dẫn đầy đủ sự tham gia của cá nhân, tập thể hoặc tổ chức khác (nếu có).

5. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định.

Điều 21. Quyền và trách nhiệm của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018), theo quy chế của cơ sở đào tạo và theo quy định pháp luật liên quan.

2. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 NCS; người có chức danh phó giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 NCS; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 NCS. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 NCS được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 NCS.

3. Người hướng dẫn NCS có trách nhiệm:

a) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và hằng năm của NCS; hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc NCS thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua;

b) Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của NCS;

c) Đề xuất để NCS được đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn và được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo;

d) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định.

Điều 22. Quyền và trách nhiệm của đơn vị chuyên môn

Đơn vị chuyên môn có quyền và trách nhiệm sau:

1. Xây dựng CTĐT, thường xuyên cập nhật, bổ sung và hoàn thiện chương trình, các định hướng nghiên cứu, kế hoạch đào tạo của các ngành.

2. Xây dựng đề án mở ngành đào tạo mới trên cơ sở xác định nhu cầu thực tế và khả năng đáp ứng các điều kiện mở ngành theo quy định.

3. Đề xuất người hướng dẫn NCS có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Quy định này.

4. Xây dựng kế hoạch học tập các học phần ở trình độ thạc sĩ (nếu có), các học phần ở trình độ tiến sĩ (**Phụ lục 12**); thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu chi tiết hằng năm của NCS; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu của NCS.

5. Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho NCS; triển khai đánh giá luận án của NCS tại đơn vị chuyên môn; thông qua đề nghị cho NCS được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo.

6. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định.

Chương V

LUẬN ÁN, ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 23. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Đáp ứng quy định tại khoản 8, Điều 9 của Quy định này và tuân thủ quy định của Trường về hình thức trình bày, kiểm soát đạo văn và những tiêu chuẩn về liên chính học thuật (**Phụ lục 15**).

2. Có cam kết và chữ ký của NCS về nội dung luận án.

3. Cấu trúc và nội dung của luận án có tối thiểu các phần sau:

a) Mở đầu: giới thiệu tóm tắt về công trình nghiên cứu, lý do chọn đề tài, mục đích, đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học của đề tài.

b) Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở ngoài nước, trong nước; chỉ ra những vấn đề mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu đề tài, nội dung nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu.

c) Cơ sở lý thuyết, lý luận, giả thiết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và đánh giá.

d) Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị những nghiên cứu tiếp theo.

đ) Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn theo quy định.

e) Danh mục các công trình khoa học, bài báo đã công bố có liên quan đến đề tài luận án NCS kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả.

f) Phụ lục (nếu có).

4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể là:

a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);

b) Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà NCS là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép NCS được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu (**Phụ lục 16**).

5. Yêu cầu về công bố khoa học:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

b) Yêu cầu tại điểm a khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế; hoặc 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia, 10 quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao; có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

6. Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

Điều 24. Đánh giá luận án tiến sĩ ở cấp Bộ môn

1. Điều kiện để NCS được đăng ký đánh giá luận án ở cấp Bộ môn

a) Đã hoàn thành các học phần trong CTĐT tiến sĩ quy định tại khoản 5 Điều 9 và đảm bảo điểm học phần theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Quy định này.

b) Đáp ứng được yêu cầu về công bố khoa học quy định tại khoản 5 Điều 23 của Quy định này.

c) Có minh chứng về việc tham gia hoạt động đào tạo của Trường theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Quy định này.

d) Có đầy đủ nhận xét đánh giá định kỳ về kết quả nghiên cứu của NCS theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Quy định này.

e) Đã hoàn thành luận án đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 23 của Quy định này.

f) Có tóm tắt luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo quy định.

g) Được người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn NCS đồng ý cho đăng ký đánh giá luận án ở cấp Bộ môn (**Phụ lục 18**).

h) Không trong thời gian thi hành án hình sự hoặc kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

2. Việc đánh giá luận án ở cấp Bộ môn là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường, các thành viên của đơn vị chuyên môn, NCS, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

3. Tổ chức đánh giá luận án ở cấp Bộ môn

a) Sau khi NCS đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ môn tổ chức seminar khoa học để đánh giá luận án và lấy ý kiến rộng rãi các nhà khoa học cho luận án. NCS phải trình luận án và trình bày toàn bộ kết quả luận án tại seminar này. Số lượng nhà khoa học được mời nhận xét luận án tối thiểu là 05 người có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của NCS; có sự tham gia của ít nhất 02 nhà khoa học ở ngoài Trường, trong đó 01 người là phản biện.

b) Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn gồm: chủ tịch, thư ký, 02 phản biện và các ủy viên. Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính quy định tại Điều 19 trừ thư ký Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 18 của Quy định này.

Hội đồng chỉ được phép tổ chức họp khi có mặt tối thiểu ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng, trong đó không được phép vắng mặt chủ tịch, thư ký hoặc cả 2 phản biện.

c) Ý kiến của các nhà khoa học; giải đáp và tiếp thu của NCS và cán bộ hướng dẫn phải được ghi đầy đủ trong biên bản, được đơn vị chuyên môn và Phòng Đào tạo xác nhận (**Phụ lục 20**).

d) Cán bộ hướng dẫn và NCS tiếp thu và chỉnh sửa luận án theo góp ý của các nhà khoa học trong các seminar khoa học, kèm theo bản giải trình các ý kiến tiếp thu và hoàn thiện luận án.

đ) Khi không đủ tỷ lệ số nhà khoa học tán thành đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Trường (theo điểm e khoản 3 Điều này), NCS phải hoàn

thiện luận án và trình bày lại tại seminar khoa học. Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá lần sau phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của NCS; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Trường.

e) Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Trường khi có tối thiểu ba phần tư (3/4) số nhà khoa học được mời nhận xét luận án ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án xem tại **Phụ lục 19**).

Điều 25. Phân biện độc lập luận án

1. Luận án của NCS được gửi lấy ý kiến của 02 phân biện độc lập trước khi được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

2. Tiêu chuẩn lựa chọn Phân biện độc lập:

a) Phân biện độc lập là các nhà khoa học hoặc chuyên gia không phải cán bộ của cơ sở đào tạo, có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn độc lập quy định tại Điều 19 của Quy định này;

b) Không có lợi ích liên quan trực tiếp tới NCS và người hướng dẫn; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với NCS; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ trực tiếp NCS về chuyên môn liên quan đến nội dung luận án và người hướng dẫn trong quá trình thực hiện luận án;

c) Có lý lịch khoa học được quản lý tại Phòng Đào tạo; lý lịch này phải thường xuyên cập nhật các thông tin có liên quan đến hoạt động khoa học của người được mời tham gia phân biện.

3. Danh sách phân biện độc lập là tài liệu mật của Trường.

4. Quy trình và yêu cầu về bảo mật đối với các cá nhân trong việc gửi phân biện độc lập:

a) Đơn vị chuyên môn chuyên biên bản các seminar khoa học, luận án của NCS đã được hoàn thiện và các ý kiến giải trình của NCS và người hướng dẫn về Phòng Đào tạo;

b) Phòng Đào tạo thụ lý hồ sơ đánh giá luận án có trách nhiệm bảo mật thông tin của phân biện độc lập. NCS và người hướng dẫn không được tìm hiểu, tiếp xúc hoặc trao đổi với phân biện độc lập dưới bất kỳ hình thức nào;

c) Hồ sơ gửi các phản biện độc lập bao gồm luận án, tóm tắt luận án, bộ công trình khoa học của NCS và trang thông tin về những đóng góp mới của luận án, kèm theo công văn của Trường. Toàn bộ các văn bản trên đều không ghi tên của NCS và người hướng dẫn;

d) Phản biện độc lập có nhiệm vụ đọc luận án và các công trình khoa học đã công bố của NCS và có ý kiến về giá trị khoa học, những đóng góp của luận án cho lĩnh vực khoa học của ngành; những điểm đúng, những điểm sai của luận án cần sửa chữa; sự phù hợp giữa đề tài luận án với mã số ngành; sự không trùng lặp đề tài, số liệu, kết quả nghiên cứu, kết luận của luận án với các đề tài, luận văn, luận án, công trình khoa học khác; tính trung thực, rõ ràng và đầy đủ trong trích dẫn; sự phản ánh kết quả luận án trong những công trình đã công bố; nhận định về nội dung, chất lượng các công trình đã công bố; những yêu cầu NCS phải chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);

đ) Phản biện độc lập cho ý kiến kết luận theo một trong ba mức: đồng ý; đồng ý nhưng có yêu cầu sửa chữa bổ sung; không đồng ý để luận án được đưa ra Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường. Trường hợp phản biện độc lập kết luận đồng ý nhưng có yêu cầu sửa chữa bổ sung, NCS cần tiếp thu và sửa chữa hoặc bảo lưu và giải trình (không cần gửi lại cho phản biện để lấy ý kiến đồng ý hay không đồng ý) bằng văn bản để lưu hồ sơ và trình bày công khai trước Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ. Hội đồng xem xét nội dung giải trình để đánh giá;

e) Phản biện độc lập có trách nhiệm bảo mật thông tin về nhận xét luận án, không tiếp xúc hoặc yêu cầu NCS cung cấp thông tin, giải trình ý kiến phản biện. Mọi liên hệ với người phản biện trong quá trình phản biện độc lập thuộc trách nhiệm của Phòng Đào tạo;

f) Trong vòng 45 ngày, phản biện độc lập phải gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản về Phòng Đào tạo. Quá thời hạn nêu trên, nếu không nhận được phản hồi của phản biện độc lập, Trường chọn một nhà khoa học khác theo yêu cầu và quy trình nêu trên. Chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm NCS hoàn thành thủ tục trình luận án sau khi đã được đơn vị chuyên môn thông qua, Phòng Đào tạo phải hoàn thành quy trình phản biện độc lập cho NCS;

g) Trong quá trình gửi lấy ý kiến của phản biện độc lập, nếu để tiết lộ về thông tin của phản biện độc lập, thì các cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và pháp luật. Hình thức kỷ luật do Trường quy định.

4. Xử lý kết quả phản biện độc lập:

a) Trong trường hợp cả 02 phản biện độc lập tán thành luận án, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường cho NCS;

b) Nếu có 01 phản biện độc lập không tán thành luận án, Phòng Đào tạo gửi luận án xin ý kiến của phản biện độc lập thứ 03. Nếu phản biện độc lập thứ 03 tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp Trường;

c) Luận án được trả về đơn vị chuyên môn nếu có 02 phản biện độc lập không tán thành. Trường hợp này, luận án phải được chỉnh sửa và tổ chức đánh giá lại ở đơn vị chuyên môn theo quy định tại Điều 24 của Quy định này. NCS được phép trình lại hồ sơ đề nghị đánh giá luận án cấp Trường chậm nhất 03 tháng kể từ ngày luận án được trả về đơn vị chuyên môn. Luận án sau khi được đánh giá lại ở đơn vị chuyên môn phải được gửi lại các phản biện độc lập lần đầu không tán thành đưa luận án ra bảo vệ ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;

d) Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba.

Điều 26. Điều kiện đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường

1. Điều kiện để NCS được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường:

a) Luận án của NCS được đơn vị chuyên môn đề nghị được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;

b) Luận án của NCS được các phản biện độc lập quy định tại Điều 25 của Quy định này tán thành;

c) NCS không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên;

d) Được Trường công nhận đủ điều kiện bảo vệ chính thức;

e) Hoàn thành việc nộp kinh phí đào tạo.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường:

a) Toàn văn luận án;

b) Tóm tắt luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

c) Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

d) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả qui định tại điểm b, khoản 4 Điều 19 Quy định này (nếu có);

e) Văn bản của người hướng dẫn (**Phụ lục 18**) và Khoa chuyên môn (**Phụ lục 24**) đề nghị cho phép NCS được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;

f) Bảng điểm các học phần của CTĐT thạc sĩ (nếu có), các học phần của CTĐT tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;

g) Quyết định công nhận NCS và minh chứng những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

h) Bản nhận xét của 02 phản biện độc lập.

3. NCS có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu theo quy định tại điểm a, b, c, d của khoản 2 Điều này; Phòng Đào tạo tập hợp các tài liệu còn lại.

Điều 27. Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc, tính từ ngày NCS nộp luận án và đủ điều kiện bảo vệ theo quy định tại Điều 26 của Quy định này.

2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của NCS;

c) Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính quy định tại Điều 19 trừ thư ký Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 18 của Quy định này.

3. Số lượng thành viên Hội đồng:

Hội đồng gồm 07 thành viên, trong đó: số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư không quá 02 người; số thành viên ngoài cơ sở đào tạo tối thiểu là 02 người; số thành viên đã tham gia đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn tối đa không quá 03 người.

4. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, các ủy viên phản biện và ủy viên khác, trong đó có 01 phản biện là người của cơ sở đào tạo và 01 phản biện là người ngoài cơ sở đào tạo:

a) Chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với chuyên môn của đề tài luận án, là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở đào tạo;

b) Phân biện không được là đồng tác giả với NCS trong các công bố khoa học có liên quan đến luận án, không cùng cơ quan công tác với NCS và không là cấp dưới trực tiếp của NCS. Ngoài các tiêu chuẩn thành viên Hội đồng, phân biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học của luận án;

c) Người hướng dẫn NCS có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên.

5. Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột của nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

Điều 28. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án ở cấp Trường

1. Toàn văn luận án; tóm tắt luận án; các bản nhận xét của các phân biện độc lập; bản giải trình tiếp thu, chỉnh sửa của NCS phải được gửi đến các thành viên Hội đồng tối thiểu 30 ngày trước ngày họp Hội đồng đánh giá luận án.

2. Mỗi thành viên Hội đồng phải có nhận xét bằng văn bản về luận án (**Phụ lục 25**) và các ý kiến tiếp thu, sửa chữa, giải trình của NCS về nhận xét của các phân biện độc lập, gửi đến Phòng Đào tạo chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng đánh giá luận án.

3. Thời gian, địa điểm tổ chức bảo vệ luận án, tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường tối thiểu 20 ngày trước ngày họp Hội đồng đánh giá luận án, trừ những luận án bảo vệ mật.

4. Không có khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận án trước phiên họp Hội đồng.

5. Hội đồng đánh giá luận án không họp nếu xảy ra một trong các tình huống:

a) Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 của Điều này;

b) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng hoặc Thư ký;

c) Vắng mặt phân biện có ý kiến không tán thành luận án;

d) Vắng mặt không quá 01 thành viên Hội đồng;

đ) NCS đang trong thời gian thi hành án hình sự hoặc bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên;

e) Có từ 02 thành viên Hội đồng không tán thành luận án. Trường hợp này được xem là không được Hội đồng đánh giá thông qua; không cần tổ chức bảo vệ luận án.

6. Trường hợp cơ sở đào tạo tổ chức đánh giá luận án trực tuyến phải bảo đảm có ít nhất 03 thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp cùng NCS; trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh bất khả kháng thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Điều 29. Tổ chức đánh giá luận án

1. Trong thời gian tối đa 03 tháng (90 ngày) kể từ khi luận án của NCS đạt quy trình phản biện độc lập, Trường phải tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cho NCS.

2. Phòng Đào tạo trực tiếp thực hiện công tác chuẩn bị và tổ chức đánh giá luận án. NCS không tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án, không liên hệ, tiếp xúc với các thành viên Hội đồng trước buổi đánh giá luận án.

3. Luận án được tổ chức bảo vệ công khai, trừ các trường hợp được bảo vệ mật theo quy định. Mỗi thành viên Hội đồng có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về luận án trước khi đánh giá. Ý kiến của phản biện độc lập và giải trình, chỉnh sửa của NCS phải được trình bày công khai trước Hội đồng để xem xét, đánh giá.

4. Hội đồng phải bỏ phiếu và quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua. Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá không đồng ý về chuyên môn. Diễn biến của buổi đánh giá luận án được ghi biên bản; trong trường hợp tổ chức trực tuyến phải được ghi âm, ghi hình đầy đủ và lưu trữ tại Phòng Đào tạo. **(Phụ lục 29).**

5. Biên bản buổi bảo vệ luận án được toàn thể các thành viên Hội đồng có mặt trong phiên họp thông qua và có chữ ký xác nhận của Thư ký và Chủ tịch **(Phụ lục 28).**

6. Hội đồng đánh giá luận án tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ đánh giá luận án hoặc quá 45 ngày kể từ ngày thành lập mà không tổ chức được phiên họp đánh giá luận án. Trường hợp quá 45 ngày kể từ ngày thành lập mà không

tổ chức được phiên họp đánh giá luận án, Hiệu trưởng thành lập Hội đồng đánh giá luận án lần 2. Không thành lập Hội đồng đánh giá luận án lần thứ 3.

7. Trường hợp cần thiết có lý do chính đáng phải thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án, Hiệu trưởng ra quyết định điều chỉnh. Thời hạn quy định liên quan đến hoạt động của Hội đồng (theo quy định tại Khoản 6 Điều này) được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng đánh giá luận án.

Điều 30. Sửa chữa và nộp lưu chiểu luận án

1. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, NCS có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung luận án theo yêu cầu (nếu có) của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường và của các phản biện. Sau khi hoàn tất việc chỉnh sửa, bổ sung NCS trình luận án cho người hướng dẫn, Chủ tịch Hội đồng ký xác nhận. Bản tường trình chỉnh sửa luận án được quy định tại **Phụ lục 30**.

2. Sau khi hoàn thành việc bổ sung, chỉnh sửa luận án, NCS:

a) Nộp cho Thư viện Trường (tại Trung tâm Học liệu và E-Learning) tóm tắt luận án và luận án hoàn chỉnh cuối cùng (cả bản in và bản điện tử) có chữ ký của NCS, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);

b) Nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng (cả bản điện tử và bản in) có chữ ký của NCS, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Trường;

c) Bản luận án nộp các thư viện gồm 3 phần:

- Tóm tắt luận án;

- Toàn văn luận án đã được bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá cấp Trường;

- Các tài liệu của phiên họp bảo vệ luận án cấp Trường (đóng quyển cùng với luận án), gồm:

1. Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;

2. Bản nhận xét của 02 phản biện;

3. Biên bản và nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;

4. Bản tường trình chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có) theo nghị quyết của Hội đồng đánh giá cấp Trường, có chữ ký xác nhận của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng.

d) Nộp giấy xác nhận của các Thư viện cho Phòng Đào tạo để làm thủ tục nhận giấy chứng nhận và cấp bằng tốt nghiệp.

5. Thư viện Trường cấp giấy xác nhận đã nộp luận án; chuyển trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác về Phòng Khoa học & Hợp tác quốc tế; và đăng toàn văn luận án và tóm tắt luận án trên webiste của Trường.

Điều 31. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật Nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Hiệu trưởng xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận NCS; báo cáo Bộ GD&ĐT kèm theo căn cứ xác định tính chất mật của đề tài và phải được Bộ GD&ĐT đồng ý bằng văn bản.

2. Khi luận án đã được Bộ GD&ĐT xác nhận bằng văn bản thuộc danh mục bí mật Nhà nước thì chỉ những người, tổ chức trong danh sách ấn định được Hiệu trưởng phê chuẩn mới được tiếp cận nội dung (một phần hoặc toàn phần luận án), các trang thiết bị nghiên cứu và số liệu thử nghiệm, tính toán, kết quả nghiên cứu. Danh sách này phải được các cơ quan liên quan đến việc bảo mật thẩm định và đề nghị. Các tài liệu này phải được đóng dấu mật.

3. NCS thực hiện những đề tài luận án được xác định là mật phải đáp ứng những yêu cầu chung đối với NCS, riêng các yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 23 của Quy định này có thể thay thế bằng những báo cáo nội bộ có giá trị về khoa học và thực tiễn của lĩnh vực nghiên cứu được Trường xác nhận.

4. Trình tự buổi bảo vệ luận án theo chế độ mật được tiến hành tương tự như bảo vệ luận án công khai. Thời gian, địa điểm bảo vệ chỉ được thông báo cho những người có trách nhiệm và những người được phép tham dự; không đăng báo hoặc đăng mạng công khai.

5. Các bước tiến hành và hồ sơ đề nghị đánh giá luận án theo chế độ mật:

a) Cơ quan có thẩm quyền sẽ sử dụng kết quả nghiên cứu của luận án gửi công văn đề nghị cho Trường;

b) Phòng Đào tạo phối hợp với đơn vị chuyên môn lập hồ sơ dự kiến các thành viên tham gia seminar khoa học đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn; danh sách những người ngoài Hội đồng được mời tham dự. Các danh sách này phải được các cơ quan có liên quan thẩm định và đề nghị.

c) Hiệu trưởng quyết định cho phép luận án được đánh giá và bảo vệ theo chế độ mật. Phòng Đào tạo thông báo cho đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn và NCS biết đề chuẩn bị số lượng bản thảo luận án; tóm tắt luận án; các bản chính thức luận án với số lượng xác định theo danh sách đã được thẩm định và đề nghị. Các tài liệu này phải được đóng dấu mật.

d) Luận án được đánh giá qua các bước: ở đơn vị chuyên môn; phản biện độc lập luận án; đánh giá tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

đ) Chỉ gửi luận án và tóm tắt luận án cho những cơ quan đơn vị và cá nhân trong danh sách đã được ấn định. Toàn bộ hồ sơ buổi bảo vệ mật được quản lý theo Quy chế bảo mật của Nhà nước.

e) Trình tự buổi bảo vệ luận án theo chế độ mật được tiến hành như bảo vệ luận án theo chế độ công khai. Thời gian và địa điểm bảo vệ chỉ được thông báo cho những người được phép tham dự và những người có trách nhiệm biết; không đăng báo, đăng mạng công khai.

Điều 32. Đánh giá lại luận án ở cấp Trường

1. Trong trường hợp luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá luận án lần thứ nhất, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và Phòng Đào tạo tổ chức cho NCS được bảo vệ luận án lần thứ hai.

2. Không tổ chức đánh giá lại luận án khi không có kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

3. Hồ sơ đề nghị tổ chức bảo vệ lại luận án, ngoài các nội dung quy định đối với bảo vệ lần thứ nhất, còn phải có thêm bản tường trình về nội dung bổ sung, sửa chữa, hoàn thiện luận án của NCS và người hướng dẫn và văn bản của đơn vị chuyên môn đề nghị cho NCS bảo vệ lần thứ hai.

4. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường lần thứ hai phải có tối thiểu 03 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất, trong đó có đủ những thành viên có ý kiến không tán thành luận án.

5. Kinh phí tổ chức họp Hội đồng do NCS tự chi trả.

Điều 33. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ

1. NCS được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 7 của Quy định này;

b) Luận án của NCS đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường đồng ý thông qua;

c) NCS đã nộp toàn văn luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng cho Thư viện Quốc gia Việt Nam, cho Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐN (tại Trung tâm Học liệu và E-Learning) theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 30 của Quy định này.

2. Trung tâm Học liệu và E-Learning của Trường đã đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của NCS trên trang thông tin điện tử của Trung tâm (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng kể từ khi NCS đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, Trường tổ chức xét và ban hành quyết định công nhận trình độ tiến sĩ cho NCS.

4. Phòng Đào tạo lập hồ sơ xét công nhận trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ, bao gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án cấp Trường;

b) Nghị quyết đồng ý thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;

c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá luận án có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án;

d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn nghiên cứu sinh; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án (nếu có);

đ) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam; Trung tâm Học liệu và E-Learning của Trường;

e) Minh chứng NCS tham gia các hoạt động đào tạo của Trường theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Quy định này;

f) Hồ sơ đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn.

5. Phòng Đào tạo thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho NCS trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ tiến sĩ có hiệu lực.

Chương VI

KIỂM TRA HỒ SƠ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ THẨM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN

Điều 34. Nguyên tắc chọn kiểm tra, thẩm định và quy trình thực hiện

1. Việc kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo, thẩm định chất lượng luận án do Bộ GD&ĐT thực hiện trong những trường hợp sau:

a) Kiểm tra, thẩm định ngẫu nhiên theo yêu cầu của công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này và những quy định có liên quan;

b) Kiểm tra, thẩm định đối với những trường hợp cụ thể khi có phản ánh, khiếu nại hoặc tố cáo.

2. Danh mục hồ sơ kiểm tra, thẩm định:

a) Kiểm tra quá trình đào tạo: hồ sơ dự tuyển và quyết định công nhận nghiên cứu sinh; hồ sơ buổi đánh giá luận án cấp Trường; hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ;

b) Thẩm định chất lượng luận án: luận án tiến sĩ; tóm tắt luận án tiến sĩ; bản sao các công bố kết quả nghiên cứu của NCS.

3. Quy trình kiểm tra, thẩm định:

a) Bộ GD&ĐT thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần kiểm tra quá trình đào tạo hoặc thẩm định chất lượng luận án trên cơ sở báo cáo định kỳ của Trường;

b) Trường gửi 01 bộ hồ sơ đối với kiểm tra quá trình đào tạo hoặc 03 bộ hồ sơ đối với thẩm định chất lượng luận án về Bộ GD&ĐT;

c) Bộ GD&ĐT tiến hành kiểm tra, thẩm định và có văn bản thông báo kết quả cho Trường trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 35. Xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định

1. Kết quả kiểm tra, thẩm định đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do Trường cung cấp đủ minh chứng bảo đảm việc tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo và quy trình tổ chức đánh giá luận án đáp ứng yêu cầu của Trường được áp dụng cho NCS theo quy định;

b) Chất lượng luận án được tối thiểu 02 trong 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, với chuyên môn phù hợp, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của NCS thẩm định và có ý kiến đồng ý về chuyên môn.

2. Kết quả kiểm tra, thẩm định không đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do Trường cung cấp không đủ minh chứng đáp ứng những quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án theo Quy chế của Bộ GD&ĐT tại Thông tư 18 và quy định này của Trường được áp dụng cho NCS;

b) Chất lượng luận án không được 02 trong 03 nhà khoa học thẩm định đồng ý về chuyên môn.

3. Đối với những trường hợp hồ sơ kiểm tra quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu, Trường có trách nhiệm giải trình những vấn đề liên quan, bổ sung minh chứng và đề xuất hướng xử lý với Bộ GD&ĐT theo quy định hiện hành.

4. Đối với những trường hợp chất lượng luận án không đạt yêu cầu:

a) Bộ GD&ĐT quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án để xem xét, đánh giá và quyết nghị về chất lượng luận án; ủy quyền cho Trường tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ GD&ĐT;

b) Hội đồng thẩm định gồm có 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 03 thành viên không là phản biện độc lập hoặc thành viên Hội đồng đánh giá luận án; những nhà khoa học thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này là thành viên đương nhiên của Hội đồng;

c) Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường quy định tại khoản 2 Điều 27 của Quy định này;

d) Hội đồng thẩm định luận án chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án;

đ) Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng thẩm định luận án có mặt trở lên không thông qua. Trong trường hợp này, Trường tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường có sự tham dự của đại diện Bộ GD&ĐT. Số

lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 09 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của cả hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

5. Trường hợp quá trình đào tạo và chất lượng luận án sau khi thực hiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này vẫn không đạt yêu cầu, Trường xem xét, quyết định thực hiện theo các phương án sau:

a) Nếu NCS chưa được cấp bằng tiến sĩ, Trường cho phép NCS bổ sung, hoàn thiện các điều kiện để được cấp bằng (đối với trường hợp kiểm tra quá trình đào tạo) trong thời gian đào tạo ghi tại quyết định công nhận NCS và bao gồm cả thời gian được phép kéo dài (nếu có); hoặc được đánh giá lại luận án nếu chưa đánh giá lần thứ hai (đối với trường hợp thẩm định chất lượng luận án) trong thời hạn tối đa 06 tháng (180 ngày);

b) Nếu NCS đã được cấp bằng tiến sĩ, việc thu hồi bằng được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp: hồ sơ quá trình đào tạo được xác nhận có vi phạm, sai sót nghiêm trọng dẫn đến người được cấp bằng không còn bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện dự tuyển, công nhận NCS và duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng trong quá trình học tập và nghiên cứu tại Trường; sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án và bị Hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định của Thông tư 18 và Quy định này; luận án của NCS không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này.

6. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ GD&ĐT về kết quả kiểm tra, thẩm định cuối cùng hoặc ngày có kết quả cuộc họp đối thoại, Trường có văn bản báo cáo Bộ GD&ĐT về việc xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định kèm theo minh chứng.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 36. Xây dựng và thực hiện các quy định liên quan đến đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường

Căn cứ Quy định này và những quy định hiện hành khác có liên quan, các đơn vị chức năng có trách nhiệm:

1. Phòng Đào tạo

a) Xây dựng kế hoạch chiến lược về phát triển đào tạo trình độ tiến sĩ và đề án tuyển sinh hằng năm.

b) Đề xuất việc mở các ngành đào tạo mới, xây dựng hồ sơ mở ngành trình Giám đốc ĐHQĐN. Kinh phí phục vụ mở ngành thực hiện theo quy định của Trường Đại học Sư phạm.

c) Xây dựng, ban hành quy định, quy trình/biểu mẫu liên quan đến đào tạo; tổ chức đào tạo và cấp bằng trình độ tiến sĩ cho NCS; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ GD&ĐT và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

d) Phối hợp với các đơn vị chuyên môn tăng cường liên chính học thuật; giám sát và kiểm soát việc chống sao chép; bảo đảm tính trung thực của nội dung những luận án tiến sĩ được đánh giá tại Trường.

đ) Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho NCS trước khi bắt đầu khóa học quy định của Trường và những quy định liên quan khác đến quá trình học tập, nghiên cứu; quy định về quyền và trách nhiệm của NCS.

e) Thực hiện giải trình theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

3. Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế

a) Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 41 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018);

b) Tạo điều kiện cho NCS công bố kết quả nghiên cứu tại các hội nghị, hội thảo khoa học ở quy mô quốc gia và quốc tế.

4. Phòng Tổ chức - Hành chính

a) Đảm bảo điều kiện về nhân lực cho đào tạo trình độ tiến sĩ các ngành của Trường.

b) Xây dựng chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

c) Có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra hằng năm việc thực hiện quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường.

d) Tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện kế hoạch, chương trình, quy định của Trường và các nhiệm vụ khác liên quan đến đào tạo và cấp bằng ở trình độ tiến sĩ.

5. Phòng Cơ sở vật chất đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất cần thiết cho giảng viên, người hướng dẫn, NCS và Hội đồng đánh giá luận án (đối với cả trường hợp bảo vệ trực tiếp và trực tuyến).

6. Phòng Kế hoạch - Tài chính

a) Xây dựng lộ trình tăng học phí và giá dịch vụ đào tạo trình độ tiến sĩ hằng năm và 05 năm.

b) Xây dựng và ban hành quy định, định mức thu chi trong hoạt động đào tạo tiến sĩ; công bố công khai cho người học và các đơn vị liên quan để thực hiện.

c) Thực hiện việc công tác thu - chi thường xuyên trong hoạt động đào tạo tiến sĩ.

Điều 37. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

Phòng Đào tạo có trách nhiệm:

1. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật dữ liệu về đào tạo tiến sĩ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học bao gồm: thông tin tuyển sinh; thông tin của NCS; thông tin của giảng viên và người hướng dẫn; thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ liên quan đến đào tạo tiến sĩ; thông tin về cấp bằng tiến sĩ; tóm tắt và toàn văn luận án hoàn chỉnh của NCS đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam;

2. Lưu trữ và bảo quản hồ sơ quá trình đào tạo và cấp văn bằng của NCS theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, báo cáo Bộ GD&ĐT danh sách NCS đã bảo vệ và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục III); thực hiện

chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm (theo mẫu tại Phụ lục IV) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

4. Công khai trên trang thông tin điện tử của Trường trước khi tuyển sinh và tổ chức đào tạo:

a) Quy chế, quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ; các quy định, quy trình/biểu mẫu quản lý đào tạo có liên quan đến tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ;

b) Chương trình, kế hoạch đào tạo; các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và những thông tin khác theo quy định.

Điều 38. Điều khoản chuyển tiếp

1. Việc tổ chức đào tạo đối với những khóa đã tuyển sinh trước ngày Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 19, điểm a khoản 5 Điều 23 của Quy định này đối với khóa đã tuyển sinh trước ngày Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT có hiệu lực thi hành.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHDN)

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm.....

ĐỀ ÁN

Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

- 1.1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo...
- 1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo cho đến thời điểm xây dựng đề án (số lượng ngành/chuyên ngành đào tạo, quy mô sinh viên, các kết quả nghiên cứu....)
- 1.3. Những thông tin cần thiết khác....

2. Các nội dung cụ thể của đề án

- 2.1. Đối tượng tuyển sinh
- 2.2. Phương thức tuyển sinh
- 2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành hoặc chuyên ngành
- 2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo: các hướng nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu đang triển khai, các điều kiện hỗ trợ nghiên cứu...
- 2.5. Tổ chức tuyển sinh: thời gian và số lần tuyển sinh/năm
- 2.6. Chính sách ưu tiên: ưu tiên đối với các đối tượng theo quy định
- 2.7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính
- 2.8. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

- 3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu
- 3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh theo các ngành hoặc chuyên ngành
- 3.3. Các dự án nghiên cứu hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước
- 3.4. Kiểm định chất lượng
- 3.5. Các điều kiện đảm bảo chất lượng khác

4. Những thông tin cần thiết khác

Thủ trưởng cơ sở đào tạo

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/2021/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

Stt	Ngôn ngữ	Bảng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên
			DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранном/ (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/DHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN)

QUY TRÌNH XÉT CÔNG NHẬN VÀ CHUYỂN KẾT QUẢ HỌC TẬP CHO NGHIÊN CỨU SINH

1. NCS nộp Đơn xin công nhận và chuyển kết quả học tập trình độ tiến sĩ cho Khoa chuyên môn (Mẫu 1-Phụ lục 3)
2. NCS nộp 01 bộ hồ sơ xét chuyển kết quả học tập cho Khoa chuyên môn để chuyển cho Phòng Đào tạo. Hồ sơ gồm có:
 - Bảng điểm cao học (nếu có), NCS;
 - Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (nếu có), trình độ tiến sĩ của ngành NCS theo học tại cơ sở đào tạo, nơi NCS chuyển đi (đối với NCS chuyển cơ sở đào tạo)
 - Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (nếu có), trình độ tiến sĩ của ngành NCS đang theo học tại Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN.
 - Quyết định giao đề tài và đề cương nghiên cứu của NCS.
3. Khoa chuyên môn làm Tờ trình đề nghị thành lập Hội đồng xét công nhận và chuyển kết quả học tập trình độ tiến sĩ cho NCS gửi về Phòng Đào tạo để xem xét ra quyết định (Mẫu 2-Phụ lục 3)
3. Quy trình xét chuyển kết quả học tập cho NCS
 - Chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp;
 - Thư ký Hội đồng đọc quyết định thành lập Hội đồng;
 - Ủy viên Hội đồng (Trưởng Bộ môn) báo cáo kết quả dự kiến xét công nhận và chuyển kết quả học tập trình độ tiến sĩ cho NCS;
 - Các thành viên Hội đồng nêu ý kiến;
 - Ủy viên Hội đồng (Trưởng Bộ môn) trả lời ý kiến của các thành viên Hội đồng;
 - Các thành viên Hội đồng họp đánh giá;
 - + Phiếu đánh giá kết quả học tập trình độ tiến sĩ (Mẫu 3a- Phụ lục 3);
 - + Biên bản họp Hội đồng xét công nhận và chuyển kết quả học tập trình độ tiến sĩ (Mẫu 3b- Phụ lục 3).
 - Kết thúc buổi họp.
 - Phòng Đào tạo soạn thảo trình Ban Giám hiệu ký ban hành Quyết định công nhận và chuyển kết quả học tập trình độ tiến sĩ cho NCS.

Mẫu 1- Phụ lục 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/DHSP-DT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN CÔNG NHẬN VÀ CHUYỂN KẾT QUẢ HỌC TẬP
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Kính gửi :

- Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm
- Trường Khoa.....

Họ và tên NCS:

Ngành:

Khóa :

Cơ quan công tác:

Căn cứ Quyết định số/QĐ-DHSP ngày tháng năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN về việc công nhận NCS của Trường.

Căn cứ vào kết quả học tập trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngànhcủa Trường..... (cơ sở đào tạo nơi NCS chuyển đi)

Căn cứ chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành.....của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, nơi tôi chuyển đến.

Tôi viết đơn này kính đề nghị Nhà trường xem xét, cho phép tôi được chuyển điểm một số học phần sau:

STT	Tên học phần	Kết quả học tập	Ghi chú
1			
2			

Kính mong Nhà Trường xem xét, giải quyết.

Trân trọng cảm ơn.

Ý kiến của Tập thể hướng dẫn

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20
Nghiên cứu sinh

Mẫu 2-Phụ lục 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20....

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thành lập Hội đồng xét công nhận và chuyển kết quả học tập trình độ tiến sĩ cho nghiên cứu sinh

Kính gửi:

- Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm;
- Trường Phòng Đào tạo.

Căn cứ Quyết định số 2065/QĐ-ĐHSP ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-ĐHSP ngàytháng....năm....20.... của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc công nhận NCS ngành.....của Trường;

Căn cứ vào Đơn xin công nhận và chuyển kết quả học tập trình độ tiến sĩ của nghiên cứu sinh khóa, Khoa Kính đề nghị Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận và chuyển kết quả học tập trình độ tiến sĩ cho nghiên cứu sinh....., cụ thể như sau:

STT	Họ và tên thành viên Hội đồng	Đơn vị công tác	Trách nhiệm trong Hội đồng
1			
2			
3			
4			
5			

Trân trọng.

TRƯỜNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VPK.

Mẫu 3a-Phụ lục 3

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Chuyên ngành:

Khóa học:

Họ và tên thành viên Hội đồng:

Trách nhiệm trong Hội đồng:

Đánh giá kết quả học tập trình độ tiến sĩ của nghiên cứu sinh:

STT	Tên học phần	Kết quả đánh giá		Lý do
		Đạt	Không đạt	

Người đánh giá
(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu 3b- Phụ lục 3

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG XÉT CÔNG NHẬN VÀ CHUYỂN
KẾT QUẢ HỌC TẬP TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

1. Họ và tên NCS:
2. Ngành:
3. Mã ngành:.....
4. Khoá học:
5. Quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận và chuyển kết quả học tập trình độ tiến sĩ số/QĐ-DHSP ngày tháng ... năm 202... của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHDN.
6. Ngày họp Hội đồng:
7. Danh sách thành viên Hội đồng:

STT	HỌC HÀM, HỌC VỊ, HỌ VÀ TÊN	CHỨC TRÁCH TRONG HỘI ĐỒNG
1.		Chủ tịch Hội đồng
2.		Ủy viên
3.		Ủy viên
4.		Ủy viên
5.		Thư ký Hội đồng

- Có mặt:thành viên. Vắng mặt:
8. Đơn vị chuyên môn quản lý nghiên cứu sinh báo cáo kết quả dự kiến xét công nhận và chuyển kết quả học tập trình độ tiến sĩ cho NCS
 9. Các thành viên Hội đồng nêu ý kiến.
 10. Đơn vị chuyên môn quản lý nghiên cứu sinh giai trình ý kiến của thành viên Hội đồng
 11. **Kết luận của Hội đồng:** Công nhận và chuyển kết quả học tập trình độ tiến sĩ cho nghiên cứu sinh, ngành....., với các học phần sau:
 - Học phần 1
 - Học phần 2
 -

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20...
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHỤ LỤC 4

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐN)

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN TIỀN SĨ

Học phần:

Chuyên ngành:

Số tín chỉ:

Khóa:

Ngày thi:

Họ và tên CBGD:

STT	Họ và tên	Điểm Bộ phận	Điểm thi hết học phần	Điểm Học phần		Chữ ký
				Bảng số	Bảng chữ	
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						

Danh sách có ...HV

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20

Cán bộ coi thi 1, 2

Cán bộ chấm thi 1, 2

Xác nhận của Khoa chuyên môn

PHỤ LỤC 5

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHDN)

QUY ĐỊNH VỀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN VÀ CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ

I. Hình thức trình bày

1. Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ có độ dày khoảng 20-30 trang A4, gồm các phần:

- Bia tiểu luận: đóng bìa mềm
- Mục lục;
- Các phần nội dung;
- Tài liệu tham khảo
- Phụ lục (nếu có)

2. Định dạng văn bản, cách trình bày tiêu mục, tên bảng vẽ, hình vẽ...tuân thủ quy định về hình thức trình bày luận án tiến sĩ (Phụ lục 15).

II. Quy trình đánh giá tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ

1. NCS nộp 04 quyển tiểu luận tổng quan/chuyên đề tiến sĩ cho khoa chuyên môn.
2. Khoa chuyên môn làm công văn đề nghị thành lập Tiểu ban chấm tiểu luận tổng quan/chuyên đề tiến sĩ gửi về Phòng Đào tạo để xem xét ra quyết định (Mẫu 1-Phụ lục 5)
3. Quy trình chấm tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ
 - Trưởng Tiểu ban điều hành phiên họp;
 - Thư ký đọc quyết định thành lập Tiểu ban;
 - NCS trình bày báo cáo trước Tiểu ban trong thời gian không quá 10 phút;
 - Các thành viên Tiểu ban nhận xét, đặt câu hỏi;
 - NCS trả lời câu hỏi;
 - Các thành viên Tiểu ban họp riêng chấm điểm:
 - + Bảng điểm và phiếu chấm điểm tiểu luận tổng quan (Mẫu 2a, 2b- Phụ lục 5);
 - + Bảng điểm và phiếu chấm điểm chuyên đề tiến sĩ (Mẫu 3a, 3b- Phụ lục 5).
 - Thông báo kết quả cho NCS.
 - Kết thúc buổi bảo vệ.

Mẫu 1-Phụ lục 5

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20

ĐỀ XUẤT THÀNH LẬP TIỂU BAN
CHẤM TIỂU LUẬN TỔNG QUAN/CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ

Kính gửi:

- Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm;
- Trưởng Phòng Đào tạo;

Căn cứ Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Quyết định số .../QĐ-DHSP, ngày tháng năm 20.... của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐN;

Căn cứ Kế hoạch học tập của Nghiên cứu sinh:

Chuyên ngành:..... Khóa học:

Tên đề tài:.....

Nay, Khoa..... kính đề nghị Nhà trường ra quyết định thành lập Tiểu ban chấm tiểu luận tổng quan cho nghiên cứu sinh, gồm các thành viên có tên sau đây:

TT	Chức danh khoa học, học vị, họ và tên	Cơ quan công tác	Chuyên ngành	Trách nhiệm trong Tiểu ban
1				
2				
3				

Dự kiến thời gian họp Tiểu ban: ngàythángnăm.....

Trân trọng./.

TRƯỞNG KHOA

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VPK.

Mẫu 2a - Phụ lục 5

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM TIỂU LUẬN TỔNG QUAN

Tiểu ban chấm tiểu luận tổng quan luận án tiến sĩ được thành lập theo Quyết định số/QĐ-ĐHSP ngày tháng ... năm 20... của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Chuyên ngành:

Khóa học:

Tên đề tài luận án:

Kết quả đánh giá:

Bảng số:.....

Bảng chữ:.....

TIỂU BAN CHẤM TIỂU LUẬN TỔNG QUAN:

Trưởng Tiểu ban

Thư ký

Ủy viên

XÁC NHẬN CỦA TRƯỞNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Mẫu 2b - Phụ lục 5

PHIẾU CHẤM ĐIỂM TIỂU LUẬN TỔNG QUAN

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Chuyên ngành:

Khóa học:

Tên đề tài luận án:

Kết quả đánh giá:

Nội dung	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1. Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án	5.0	
2. Nêu những ưu điểm	1.0	
3. Nêu những vấn đề còn tồn tại	2.0	
4. Chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết	1.0	
5. Phương pháp giải quyết	1.0	
TỔNG ĐIỂM	10.0	

Người đánh giá
(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu 3a - Phụ lục 5

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ

Tiểu ban chấm chấm chuyên đề tiến sĩ được thành lập theo Quyết định số/QĐ-ĐHSP ngày tháng ... năm 20... của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Chuyên ngành:

Khóa học:

Tên đề tài luận án:

Tên chuyên đề:

Kết quả đánh giá:

Bảng số:.....

Bảng chữ:.....

TIỂU BAN CHẤM CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ:

Trưởng Tiểu ban

Thư ký

Ủy viên

XÁC NHẬN CỦA TRƯỞNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Mẫu 3b - Phụ lục 5

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU CHẤM ĐIỂM CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Chuyên ngành:

Khóa học:

Tên chuyên đề:

Kết quả đánh giá:

Nội dung	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1. Lời mở đầu (nêu tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu)	1.0	
2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu	1.5	
3. Phân tích nội dung về vấn đề nghiên cứu	4.0	
4. Nhận định và chỉ ra những vấn đề cần nghiên cứu và hướng giải quyết, hoàn thiện	3.0	
5. Kết luận	0.5	
TỔNG ĐIỂM	10.0	

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 6

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐN)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20...

ĐƠN XIN GIA HẠN HỌC TẬP

Kính gửi:

- Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐN;
- Trường Khoa....

Tên tôi là: Sinh ngày:
Số điện thoại: Email:.....
Cơ quan công tác:

Tôi đã tham dự và trúng tuyển kỳ thi xét tuyển NCS khoá:năm:
Ngành:.....theo Quyết định số...../ĐHQĐN-ĐT
ngày.....tháng.....năm..... của Đại Học Đà Nẵng và được công nhận là NCS của Trường
Đại học Sư phạm - ĐHQĐN theo Quyết định số...../ĐHSP-ĐT ngàytháng.....năm.....
Hiện nay tôi đang sinh hoạt chuyên môn tại Khoa..... thuộc Trường Đại học Sư phạm -
ĐHQĐN.

Đến nay tôi đã hoàn thành:

- | | | | |
|-----------------------------|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| 1/ <input type="checkbox"/> | Các môn học bổ sung | 3/ <input type="checkbox"/> | Tiểu luận tổng quan |
| 2/ <input type="checkbox"/> | Các môn học ở trình độ tiến sĩ | 4/ <input type="checkbox"/> | Các chuyên đề tiến sĩ |

Tôi làm đơn này kính đề nghị Nhà Trường cho phép tôi được gia hạn thời gian học tập theo quy định.

Lý do xin gia hạn:

Xin trân trọng cảm ơn.

Ý kiến của Tập thể hướng dẫn

Người viết đơn

Ý kiến của BCN Khoa

PHỤ LỤC 7

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/DHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN ĐIỀU CHỈNH ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Kính gửi :

- Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm
- Trường Khoa.....

Họ và tên NCS:

Ngành:

Khóa :

Cơ quan công tác:

Theo QĐ số/DHSP-ĐT ngày tháng năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN, tôi được giao thực hiện đề tài luận án,

Tên đề tài:.....

Người hướng dẫn khoa học: 1.

2.

Nay tôi viết đơn này kính đề nghị Nhà trường cho phép tôi được điều chỉnh tên đề tài luận án,

Tên đề tài mới:.....

.....

Lý do điều chỉnh:.....

.....

Kính mong Nhà Trường xem xét, giải quyết.

Trân trọng cảm ơn.

Ý kiến của Tập thể hướng dẫn

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20

Nghiên cứu sinh

Ý kiến của BCN Khoa

PHỤ LỤC 8

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐN)

QUY TRÌNH BẢO VỆ LẠI ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN

1. NCS nộp Đơn xin điều chỉnh đề tài luận án cho khoa chuyên môn (Phụ lục 7)
2. NCS nộp 04 quyển đề cương luận án (có chữ ký xác nhận của người hướng dẫn khoa học) cho khoa chuyên môn.
2. Khoa chuyên môn làm công văn đề nghị thành lập Hội đồng đánh giá đề cương luận án gửi về Phòng Đào tạo để xem xét ra quyết định (Mẫu 1-Phụ lục 8)
3. Quy trình bảo vệ lại đề cương luận án
 - Chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp.
 - Thư ký Hội đồng đọc quyết định thành lập Hội đồng.
 - NCS trình bày tóm tắt nội dung đề cương luận án trong thời gian không quá 10 phút.
 - Các thành viên Hội đồng nhận xét, đặt câu hỏi.
 - NCS trả lời câu hỏi.
 - Các thành viên Hội đồng họp đánh giá
 - + Phiếu nhận xét đề cương luận án (Mẫu 2a- Phụ lục 8);
 - + Biên bản họp Hội đồng đánh giá đề cương luận án (Mẫu 2b- Phụ lục 8).
 - Thông báo kết quả cho NCS.
 - Kết thúc buổi bảo vệ.

Mẫu 2a- PHỤ LỤC 8

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Tên đề tài:.....

Nghiên cứu sinh:..... Khóa học.....

Ngành đào tạo:..... Mã số:.....

NỘI DUNG NHẬN XÉT

1. Tên đề tài:

.....

2. Mục tiêu nghiên cứu:

.....

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

.....

4. Nội dung nghiên cứu:

.....

.....

5. Phương pháp nghiên cứu:

.....

.....

6. Các vấn đề khác:

.....

.....

7. Đề nghị điều chỉnh, bổ sung (nếu có):

.....

.....

7. Kết luận: (Ghi rõ ý kiến thông qua hoặc không thông qua đề cương luận án).

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20...

Người nhận xét

Mẫu 2b- PHỤ LỤC 8

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ
ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

1. Tên đề tài luận án:
2. Ngành:
3. Mã ngành:
4. NCS:
5. Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá đề cương luận án số/QĐ-DHSP ngày tháng ... năm 201... của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN.
6. Ngày họp Hội đồng:
7. Danh sách thành viên Hội đồng:

STT	HỌC HÀM, HỌC VỊ, HỌ VÀ TÊN	CHỨC TRÁCH TRONG HỘI ĐỒNG
1.		Chủ tịch Hội đồng
2.		Ủy viên
3.		Ủy viên
4.		Ủy viên
5.		Thư ký Hội đồng

Có mặt:thành viên. Vắng mặt:

Khách mời:

Về phía cơ sở đào tạo:

7. Nghiên cứu sinh trình bày đề cương luận án.
6. Các thành viên Hội đồng đặt câu hỏi, nhận xét đề cương luận án.
7. Nghiên cứu sinh trả lời câu hỏi.
8. Các ý kiến đóng góp khác:
9. **Kết luận của Hội đồng**
 1. Kết luận về tính cấp thiết, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài luận án;
 2. Kết luận về phương pháp nghiên cứu

3. Kết luận về nội dung nghiên cứu
4. Kết luận về nội dung đề nghị chỉnh sửa, bổ sung
5. Kết luận chung: Đề cương luận án Đạt yêu cầu hay Không đạt yêu cầu.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20...

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PHỤ LỤC 9

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHDN)

QUY ĐỊNH, THỦ TỤC CHUYỂN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1. Thủ tục chuyển từ Trường Đại học Sư phạm đến các cơ sở đào tạo khác

+ Đơn xin chuyển trường, nêu rõ lý do xin chuyển (kèm minh chứng trong những trường hợp cần thiết) (**Mẫu 1-Phụ lục 9**)

+ Kết quả học tập đã đạt được (toàn bộ bảng điểm các học phần đã học theo kế hoạch xác định từ đầu khóa);

+ Bảng kê chi tiết thu nộp học phí;

+ Các loại giấy tờ khác (nếu có).

Trường Đại học Sư phạm xem xét, rà soát các điều kiện của NCS xin chuyển trường và làm công văn giới thiệu NCS chuyển đến cơ sở đào tạo mà NCS muốn chuyển đến. Nếu cơ sở đào tạo mà NCS xin chuyển đến đồng ý tiếp nhận bằng văn bản, Trường Đại học Sư phạm làm công văn đề nghị chuyển cơ sở đào tạo cho NCS gửi Đại học Đà Nẵng ra quyết định cho phép NCS ngừng quá trình đào tạo tại Đại học Đà Nẵng và chuyển sang cơ sở mới.

2. Thủ tục chuyển trường từ trường khác đến Trường Đại học Sư phạm

NCS chuyển đến phải làm hồ sơ chuyển cơ sở đào tạo, nộp cho Trường Đại học Sư phạm. Hồ sơ gồm:

- Đơn xin chuyển đến Trường Đại học Sư phạm, nêu rõ lý do xin chuyển, có xác nhận đồng ý của đơn vị quản lý đào tạo NCS của trường xin chuyển đi;

- Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương);

- Quyết định tiếp nhận NCS;

- Bản sao công chứng bằng và bảng điểm tốt nghiệp thạc sĩ;

- Bảng điểm học tập trong quá trình học tập tại trường xin chuyển đi;

- Các loại giấy tờ khác (nếu có).

Mẫu 1-Phụ lục 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN CHUYỂN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Kính gửi :

- Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN
- Trường Khoa....

Họ và tên NCS:

Khóa:

Ngành:

Mã ngành:

Cơ quan công tác:

Điện thoại :

Email:

Quyết định trúng tuyển NCS số...../QĐ-ĐHĐN ngày tháng năm 20 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng.

Theo QĐ số/QĐ-ĐHSP ngày tháng năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN, tôi được giao thực hiện đề tài luận án,

Tên đề tài:.....

Người hướng dẫn khoa học: 1.

2.

2.....

Nay tôi viết đơn này kính đề nghị Nhà trường cho phép tôi được chuyển cơ sở đào tạo từ Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN đến Trường (tên cơ sở đào tạo mới)

Lý do xin chuyển:.....

Kính mong Nhà trường xem xét, giải quyết.

Trân trọng cảm ơn.

Ý kiến của Tập thể hướng dẫn

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20
Nghiên cứu sinh

Ý kiến của BCN Khoa

PHỤ LỤC 10

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHN)

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 202...

KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NGHIÊN CỨU SINH

Cơ sở đào tạo:

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành đào tạo:

Mã ngành đào tạo:

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	<i>Các học phần về chuyên môn bổ sung (nếu có)</i>	<i>10 - 12 tín chỉ</i>	<i>Chứng nhận kết thúc học phần</i>
	<i>Các học phần về phương pháp nghiên cứu</i>	<i>04 -06 tín chỉ</i>	<i>Chứng nhận kết thúc học phần</i>
Năm thứ 2	<i>Thực hiện phần 1 của Luận án</i>	<i>đến 24 tín chỉ</i>	<i>Chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu...</i>
Năm thứ 3	<i>Thực hiện phần 2 của Luận án</i>	<i>đến 30 tín chỉ</i>	<i>Luận án và các bài công bố, ...</i>
Năm thứ 4	<i>Thực hiện phần 3 của Luận án</i>	<i>Số tín chỉ còn lại của chương trình 04 năm</i>	<i>Luận án và các bài công bố, ...</i>

Lưu ý: phần in nghiêng là ví dụ về các nội dung trong kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa. Kế hoạch cụ thể của nghiên cứu sinh được xây dựng căn cứ vào quy định của cơ sở đào tạo về chương trình đào tạo tiến sĩ đã công bố.

NGƯỜI HƯỚNG DẪN
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGHIÊN CỨU SINH
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA.....
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHDN)

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Về tiến độ học tập, nghiên cứu và thực hiện luận án của NCS
Năm học: 20... - 20...

Kính gửi: Trường Đại học Sư phạm - ĐHDN,

Họ và tên NCS: Khóa: 20..... - 20.....

Tên đề tài luận án:

Cán bộ hướng dẫn: 1.

2.

Thuộc Ngành đào tạo: Mã số:

Thực hiện Quy định của Trường Đại học Sư phạm - ĐHDN, NCS báo cáo về quá trình học tập, nghiên cứu tại Khoa, Bộ môn chuyên ngành như sau

1. Chấp hành quy định trong học tập, nghiên cứu (Ghi rõ số lần báo cáo tiến độ và kết quả nghiên cứu trước Khoa, Bộ môn chuyên ngành và cán bộ hướng dẫn, số lần dự các buổi sinh hoạt khoa học và các buổi NCS của Khoa, Bộ môn bảo vệ các cấp):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Mức độ hoàn thành công việc học tập, nghiên cứu luận án (Ghi rõ môn đã học theo quy định, môn còn thiếu, kết quả và tiến độ viết luận án):

.....
.....
.....
.....
.....

.....
.....
3. Những khó khăn gặp phải trong học tập, nghiên cứu
.....
.....
.....
.....
.....
.....

.....
.....
4. Kế hoạch hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu
.....
.....
.....
.....
.....
.....

.....
.....
5. Các đề xuất hỗ trợ
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Ý kiến của tập thể hướng dẫn

Nghiên cứu sinh
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: NCS nộp lại bản báo cáo cho Phòng Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm trước ngày .../.../202... Nếu GVHD là giảng viên ngoài ĐH Đà Nẵng đề nghị cung cấp Số tài khoản và tên ngân hàng để tiện trong việc làm thanh toán hướng dẫn cho GVHD

PHỤ LỤC 12

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/DHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHN)

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 202...

KẾ HOẠCH HỌC TẬP CÁC HỌC PHẦN TIỀN SĨ
Ngành (áp dụng cho các khóa từ đến)
(Thời gian: Từ ngày đến ngày)

TT	MÔN HỌC	SỐ TC	CÁN BỘ GIẢNG DẠY	THỜI GIAN	PHÒNG HỌC
1					
2					
3					
4					

* *Ghi chú:* Thời gian học:
- Sáng: từ 7h30 đến 11h30
- Chiều: từ 13h30 đến 17h30

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO

								ạo	ạo						
1								x							
2										x					

II. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy và hướng dẫn NCS

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Chức danh khoa học (GS/PGS)	Trình độ	Mã số CCCD/Hộ chiếu	Số lượng NCS đang hướng dẫn	Số lượng công bố khoa học trong vòng 05 năm ³	Thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ	Danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú hoặc Nghệ sĩ Nhân dân
1											
2											

III. Danh sách các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo gắn với hoạt động đào tạo NCS

STT	Tên đề tài	Cấp phê duyệt	Thời gian thực hiện	Tên NCS tham gia

IV. Tồn tại, hạn chế (nếu có)

V. Nguyên nhân và giải pháp khắc phục

VI. Kiến nghị của cơ sở đào tạo

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

¹ Thứ tự NCS được sắp xếp theo nhóm các khóa tuyển sinh.

² Ghi thời gian theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá (VD: 2021-2024).

³ Thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước đánh giá 0,75 điểm công trình trở lên

PHỤ LỤC 14

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN)

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm.....

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Đại học Đà Nẵng.

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH ĐÃ BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ

(Tháng ..., năm ...)

STT	Họ và tên NCS	Số, ngày quyết định công nhận NCS	Tên đề tài	Ngành, mã số	Ngày bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá của cơ sở đào tạo	Kết quả đánh giá	Ghi chú

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 15

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHDN)

HÌNH THỨC TRÌNH BÀY ĐỐI VỚI LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Luận án tiến sĩ gồm 2 cuốn: cuốn toàn văn và cuốn tóm tắt.

I. CUỐN TOÀN VĂN

- Cuốn toàn văn được trình bày không quá 100 trang đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên; không quá 150 trang đối với lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn, gồm các phần chính sắp xếp theo trình tự sau:

- Lời cam đoan của tác giả về tính trung thực, hợp pháp của nghiên cứu;
- Trang thông tin kết quả nghiên cứu của đề tài bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, có từ khóa (1 trang A4);
- Danh mục các hình vẽ, sơ đồ, bảng biểu và danh mục các từ viết tắt;
- Mở đầu;
- Các chương của luận án;
- Kết luận và kiến nghị;
- Tài liệu tham khảo;
- Danh mục công trình khoa học đã công bố của tác giả;
- Phụ lục;
- Quyết định giao đề tài.
- Bản sao kết luận của Hội đồng, bản sao nhận xét của các phân biện (nộp thư viện quốc gia, Trường).

Luận án phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không được tẩy xóa, in trên một mặt giấy trắng khổ A4 (210 x 297 mm). Luận văn đóng bìa cứng, màu đỏ đậm, in chữ nhũ vàng đủ dấu tiếng Việt, có trang phụ bìa đặt ngay sau trang bìa (xem các mẫu dưới đây):

MẪU BÌA LUẬN ÁN CÓ IN CHỮ NHỮ VÀNG Khổ 210 x 297 mm

<p>HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ LUẬN ÁN</p> <p>NGÀNH</p> <p>KHÓA</p>	<p>ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM -----</p> <p>HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ LUẬN ÁN</p> <p>TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</p> <p>LUẬN ÁN TIẾN SĨ</p> <p>(ghi ngành của học vị được công nhận)</p> <p>Đà Nẵng - Năm</p>
--	---

MẪU TRANG PHỤ BÌA LUẬN VĂN

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ LUẬN ÁN

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Ngành :

Mã số:

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. *(ghi rõ học hàm học vị, họ và tên)*

2.

Đà Nẵng - Năm

1) Cấu trúc của luận án

Cấu trúc của luận án được thể hiện qua mẫu trang Mục lục dưới đây (các phần cấu thành nên cuốn toàn văn phải được sắp xếp theo đúng trình tự):

MỤC LỤC

Lời cam đoan

Tóm tắt đề tài bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh

Danh mục viết tắt

Danh mục bảng biểu, hình vẽ...

MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 1. (Chữ hoa in đậm, đứng)

1.1. (Chữ thường đậm, đứng)

1.1.1.

1.1.2.

...

1.2. (Chữ thường đậm, đứng)

1.2.1.

1.2.2.

...

CHƯƠNG 2. (Chữ hoa in đậm, đứng)

2.1.

2.1.1.

2.1.2.

...

CHƯƠNG 3. (Chữ hoa in đậm, đứng)

...

Lưu ý: Số chương và tên chương có thể thay đổi tùy thuộc vào nội dung của đề tài mà NCS đang thực hiện

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

PHỤ LỤC

Bản sao Biên bản Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường, bản sao nhận xét của các phân biện, Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường, quyết định giao đề tài.

2) Trang thông tin kết quả nghiên cứu của luận văn bằng 2 ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh (Mẫu)

1. TIẾNG VIỆT

TRANG THÔNG TIN LUẬN ÁN TIÊN SỸ

Tên đề tài: (nếu tên đề tài)

Ngành: (ghi tên ngành đào tạo)

Họ và tên NCS: (ghi đầy đủ họ tên)

Người hướng dẫn khoa học: 1. (ghi đầy đủ họ tên, học vị, học hàm)

2. (ghi đầy đủ họ tên, học vị, học hàm)

Cơ sở đào tạo: (ghi tên trường/ cơ sở đào tạo)

Tóm tắt (Trình bày tóm tắt, **font chữ Times New Roman 11, viết thường** trong khoảng từ 500 đến 600 từ với các nội dung: **Những kết quả chính của luận án. Nêu được những đóng góp mới của luận án, khả năng ứng dụng trong thực tế và hướng nghiên cứu tiếp theo của đề tài.**)

Từ khóa: (nếu ít nhất 5 từ khóa, **font chữ Times New Roman 11, viết thường, đậm**).

2. TIẾNG ANH

INFORMATION PAGE OF DOCTORAL THESIS

Name of thesis :

Major:

Full name of PhD student:

Supervisors: 1.

2.

Training institution:

Abstract (Summarize contents of about 500 - 600 words with **font Times New Roman 11**): The major results of thesis. State the new contributions of the thesis, the applicability in practice and subsequent research of the thesis.

Key words: Set 05 key words at least.

3) Các loại danh mục

Dòng tên của mỗi danh mục (ví dụ "Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt") được đặt ở đầu và giữa trang đầu tiên của danh mục. Cách trình bày các danh mục như sau:

a. Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt

Không lạm dụng việc viết tắt trong luận án. Chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong luận án. Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề. Không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện trong luận án. Nếu cần viết tắt những từ, thuật ngữ, tên các cơ quan, tổ chức... thì được viết tắt sau lần viết thứ nhất có kèm theo chữ viết tắt trong ngoặc đơn. Nếu luận văn có nhiều chữ viết tắt thì phải có bảng danh mục các chữ viết tắt (xếp theo thứ tự ABC) ở phần đầu luận văn.

Ví dụ về cách trình bày danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt:

CÁC KÝ HIỆU:

f Tần số của dòng điện và điện áp (Hz)

ρ Mật độ điện tích khối (C/m^3)

.....

CÁC CHỮ VIẾT TẮT:

CSTD Công suất tác dụng

MF Máy phát điện
sđđ Sức điện động

b. Danh mục các bảng

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
1.1	GDP của một số nước ở châu Á	3
1.2	GDP của Việt Nam từ 1975 đến nay	5
.....

c. Danh mục các hình vẽ, đồ thị

Số hiệu hình vẽ	Tên hình vẽ	Trang
1.1	Biểu đồ dân số của một số nước ở châu Á	4
1.2	Biểu đồ dân số của Việt Nam từ 1975 đến nay	6
.....

d. Danh mục tài liệu tham khảo

Xem mục 8.

4) Cấu trúc của phần “Mở đầu”

Phần “Mở đầu” phải bao gồm các nội dung cơ bản sau (được thể hiện dưới dạng đề mục):

- + Lý do chọn đề tài (hay Tính cấp thiết của đề tài);
- + Mục đích nghiên cứu;
- + Đối tượng và phạm vi nghiên cứu;
- + Phương pháp nghiên cứu;
- + Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;
- + Cấu trúc của luận án (số chương, tên chương, tóm tắt nội dung của từng chương).

5) Soạn thảo văn bản

Sử dụng chữ (font) thuộc mã UNICODE, kiểu chữ chân phương, dễ đọc. Đối với phần nội dung (văn bản), dùng cỡ 13 của loại chữ Times New Roman hoặc tương đương. Cỡ chữ của tên chương và tên đề mục có thể chọn lớn hơn, cỡ chữ của tên chương phải lớn hơn cỡ chữ của tên đề mục. Từ “Mở đầu”, tên các chương, các cụm từ “Kết luận và kiến nghị” và “Danh mục tài liệu tham khảo” phải được đặt ở đầu trang, ngay giữa trang và có kiểu chữ, cỡ chữ giống nhau. Kiểu trình bày (kiểu chữ, cỡ chữ, khoảng cách thụt vào đầu dòng,...) đối với các đề mục cùng cấp (xem mục 5 ở ngay dưới) phải giống nhau trong toàn bộ luận án. Quy định này cũng được áp dụng cho tên các hình vẽ hay tên các bảng biểu.

Mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ. Dẫn dòng đặt ở chế độ 1.2 lines.

Quy định về bề rộng lề của trang soạn thảo: lề trên 2,5 cm; lề dưới 2,5 cm; lề trái 3,5 cm; lề phải 2 cm.

Số thứ tự của trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang. Trang 1 là trang đầu tiên của phần "Mở đầu".

Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy (landscape) thì chiều dọc là chiều từ gáy luận văn đọc ra. Số thứ tự của trang được đánh như trang dọc.

6) Đề mục

Các đề mục trong luận văn được đánh số thứ tự thành nhóm chữ số, nhiều nhất gồm ba chữ số với số thứ nhất chỉ số thứ tự của chương (ví dụ 4.1.2 chỉ đề mục 2 nhóm đề mục chương 4). Tại mỗi nhóm đề mục phải có ít nhất hai đề mục, ví dụ không thể chỉ có đề mục 2.1.1 mà không có đề mục 2.1.2 tiếp theo.

Đề mục và nội dung của nó phải đi liền với nhau, tránh trường hợp đề mục nằm cuối trang này nhưng nội dung ở đầu trang sau.

Có hai loại đề mục: các đề mục cùng cấp (là các đề mục có cùng số chữ số trong số thứ tự của chúng, ví dụ 1.1.2, 1.1.3 và 2.1.3) và các đề mục không cùng cấp (ví dụ 1.1 và 1.1.1). Kiểu trình bày đối với các đề mục không cùng cấp phải khác nhau, ví dụ: 1.1. (Chữ thường đậm, đứng), 1.1.1. (Chữ thường đậm, nghiêng).

7) Bảng, hình và công thức

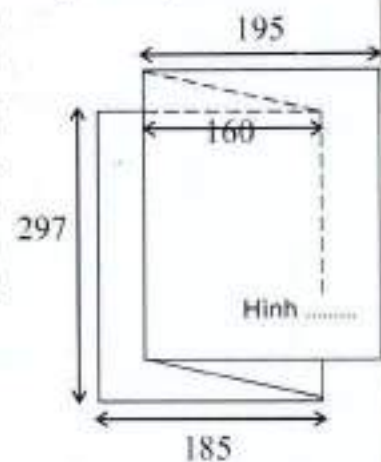
Hình ở đây bao gồm những hình vẽ, hình ảnh, đồ thị, biểu đồ và sơ đồ.

Việc đánh số thứ tự của bảng, hình và công thức phải gắn với số thứ tự của chương, ví dụ: Bảng 2.3 (bảng thứ 3 trong Chương 2), Hình 3.4, Công thức (1.10). Mọi đồ thị, bảng biểu lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ, ví dụ "Nguồn: Bộ Tài chính 1996". Nguồn được trích dẫn phải được liệt kê chính xác trong danh mục Tài liệu tham khảo.

Số thứ tự và tên của bảng được ghi ngay phía trên bảng và ở giữa bảng. Số thứ tự và tên của hình được ghi ngay phía dưới hình và ở giữa hình. Số thứ tự của công thức được ghi ở bên phải của công thức và nằm ở mép phải của trang văn bản.

Cỡ chữ phải bằng cỡ chữ sử dụng trong soạn thảo luận án. Phải sử dụng cùng kiểu chữ và loại chữ cho số thứ tự và tên của tất cả các bảng biểu trong toàn bộ luận án. Quy định này cũng được áp dụng cho hình vẽ và công thức.

Thông thường, những bảng ngắn và đồ thị nhỏ phải đi liền với phần nội dung đề cập tới các bảng và đồ thị này ở lần thứ nhất. Các bảng dài có thể trình bày trên nhiều trang liên tiếp nhưng mỗi dòng trong bảng phải nằm gọn trong một trang, không thể nằm trên hai trang khác nhau. Các bảng rộng vẫn nên trình bày theo chiều đứng dài 297 mm của trang giấy, chiều rộng của trang giấy có thể hơn 210 mm (ví dụ trang giấy khổ A3, 297 x 420 mm). Chú ý gấp trang giấy này như minh họa ở hình vẽ bên sao cho số thứ tự và tên của hình vẽ hoặc bảng vẫn có thể nhìn thấy ngay mà không cần mở rộng tờ giấy. Cách làm này cũng cho phép tránh bị đóng vào gáy của luận án phần mép gấp bên trong hoặc xén rời mất



phần mép gấp bên ngoài. Tuy nhiên nên hạn chế sử dụng các bảng quá rộng này.

Trong mọi trường hợp, bề rộng lề như đã quy định ở mục 4.

Trong luận án, các hình vẽ phải được vẽ sạch sẽ bằng mực đen để có thể sao chụp lại. Khi đề cập đến các bảng biểu và hình vẽ phải nêu rõ số thứ tự của hình và bảng biểu đó, ví dụ "... được nêu trong Bảng 4.1" hoặc "(xem Hình 3.2)" mà không được viết "... được nêu trong bảng dưới đây" hoặc "trong đồ thị của X và Y sau".

8) Danh mục tài liệu tham khảo

Tài liệu tham khảo được xếp riêng theo từng ngôn ngữ (Việt, Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật,...) nhưng có số thứ tự được đánh liền tục. Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch, kể cả tài liệu bằng tiếng Trung Quốc, Nhật... (đối với những tài liệu bằng ngôn ngữ còn ít người biết có thể thêm phần dịch tiếng Việt đi kèm theo mỗi tài liệu).

Tài liệu tham khảo xếp theo thứ tự ABC:

a. Đối với các văn bản chung (luật, hiến pháp...) thì xếp theo chữ cái đầu tiên của văn bản.

b. Đối với các công trình, tác phẩm của các tác giả cụ thể:

- Tác giả là người nước ngoài: xếp thứ tự ABC theo họ.
- Tác giả là người Việt Nam: xếp thứ tự ABC theo tên nhưng vẫn giữ nguyên thứ tự thông thường của tên người Việt Nam, không đảo tên lên trước họ.
- Tài liệu không có tên tác giả thì xếp theo thứ tự ABC từ đầu của tên cơ quan ban hành báo cáo hay ấn phẩm, ví dụ: Tổng cục Thống kê xếp vào văn T, Bộ Giáo dục và Đào tạo xếp vào văn B, v.v...

Đối với tài liệu tham khảo là *sách, luận văn, báo cáo*, phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- tên tác giả hoặc cơ quan ban hành (không có dấu ngăn cách)
- (năm xuất bản), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)
- *tên sách, luận văn hoặc báo cáo*, (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)
- nhà xuất bản, (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản)
- nơi xuất bản. (dấu chấm kết thúc tài liệu tham khảo)

Đối với tài liệu tham khảo là *bài báo trong tạp chí, bài báo trong một cuốn sách*,... phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- tên các tác giả (không có dấu ngăn cách)
- (năm công bố), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)
- "tên bài báo", (đặt giữa cặp ngoặc kép, không in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)
- tên tạp chí hoặc tên sách, (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)
- tập (không có dấu ngăn cách)
- (số), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)
- các số trang. (gạch ngang giữa hai chữ số, dấu chấm kết thúc)

Đối với tài liệu tham khảo là **tài liệu được đăng tải trên các trang web**, cần phải ghi địa chỉ cụ thể cho phép truy cập trực tiếp đến tài liệu kèm theo ngày truy cập.

Cần chú ý những chi tiết về trình bày nêu trên. Nếu tài liệu dài hơn một dòng thì nên trình bày sao cho từ dòng thứ hai lùi vào so với dòng thứ nhất 1 cm để danh mục tài liệu tham khảo được rõ ràng và dễ theo dõi.

Dưới đây là ví dụ về cách trình bày danh mục tài liệu tham khảo:

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

- [1] Quách Ngọc Ân (1992), "Nhìn lại hai năm phát triển lúa lai", *Di truyền học ứng dụng*, 98(1), tr. 10-16.
- [2] Bộ Nông nghiệp và PTNT (1996), *Báo cáo tổng kết 5 năm (1992-1996) phát triển lúa lai*, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Hữu Đồng, Đào Thanh Bằng, Lâm Quang Dự, Phan Đức Trục (1997), *Đột biến - Cơ sở lý luận và ứng dụng*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Thị Gấm (1996), *Phát hiện và đánh giá một số dòng bất dục đực cảm ứng nhiệt độ*, Luận văn thạc sĩ Khoa học nông nghiệp, Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.

.....

Tiếng Anh

- [8] Anderson, J. E. (1985), "The Relative Inefficiency of Quota, The Cheese Case", *American Economic Review*, 75(1), pp. 178-90.
- [9] Boulding, K. E. (1995), *Economics Analysis*, Hamish Hamilton, London.
- [10] Institute of Economics (1988), *Analysis of Expenditure Pattern of Urban Households in Vietnam*, Department of Economics, Economic Research Report, Hanoi.

9) Phụ lục của luận văn

Phần này bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc bổ trợ cho nội dung luận án như số liệu, mẫu biểu, tranh ảnh,... Nếu luận án sử dụng những câu trả lời cho một bảng câu hỏi thì bảng câu hỏi mẫu này phải được đưa vào phần Phụ lục ở dạng nguyên bản đã dùng để điều tra, thăm dò ý kiến; không được tóm tắt hoặc sửa đổi. Các tính toán mẫu trình bày tóm tắt trong các bảng biểu cũng cần nêu trong Phụ lục của luận án. Phụ lục không được dày hơn phần chính của luận án.

II. CUỐN TÓM TẮT

Cuốn tóm tắt luận án có kích cỡ của tờ giấy khổ A4 (210 x 297 mm) gấp làm đôi theo chiều có kích thước 297 mm, có nội dung được trình bày tối đa trong 24 trang (không kể bìa) và in trên hai mặt giấy. Cuốn tóm tắt luận án phải được trình bày rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không được tẩy xóa.

Cuốn tóm tắt phải phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án (cuốn toàn văn). Trong cuốn tóm tắt chỉ trình bày nội dung (tóm tắt) của 3 phần chính của luận án: Mở đầu, các chương và Kết luận. Có thể tóm lược nội dung của phần "Mở đầu" nhưng cấu trúc của phần này (các nội dung cơ bản) phải giống như trong cuốn toàn văn.

Phần “Kết luận” phải có đầy đủ nội dung như trong cuốn toàn văn. Có thể không đưa vào cuốn tóm tắt nội dung của một đề mục nào đó nhưng tất cả các đề mục phải được thể hiện đầy đủ. Có thể chỉ đưa vào trong cuốn tóm tắt một số bảng biểu, hình vẽ và công thức chính, quan trọng, nhưng chúng phải có số thứ tự giống như trong cuốn toàn văn.

Sử dụng chữ (font) thuộc mã UNICODE, kiểu chữ chân phương, dễ đọc với cỡ chữ 11 của loại chữ Times New Roman hoặc tương đương.

Dãn dòng đặt ở chế độ “Exactly 17 pt”.

Lề trên, lề dưới, lề trái và lề phải của trang soạn thảo đều rộng 2 cm.

Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang giấy.

Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy (landscape) thì chiều dọc là từ giữa cuốn tóm tắt đọc ra.

Kiểu trình bày đối với các đề mục không cùng cấp phải khác nhau và các đề mục cùng cấp phải có kiểu trình bày giống nhau trong toàn bộ cuốn tóm tắt.

Mặt ngoài và mặt trong của tờ bìa trước được trình bày theo mẫu sau:

Mặt ngoài của tờ bìa trước

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM <hr/> HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ LUẬN ÁN TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN Ngành: Mã số: TÓM TẮT LUẬN ÁN TIỀN SĨ <i>(ghi ngành của học vị được công nhận)</i> Đà Nẵng - Năm
--

Mặt trong của tờ bìa trước

Công trình được hoàn thành tại TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
Người hướng dẫn khoa học: 1..... <i>(ghi rõ học hàm, học vị)</i> 2.....
Phản biện 1:
Phản biện 2:
Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá Luận án cấp Trường <i>(ghi ngành của học vị được công nhận)</i> họp tại Trường Đại học Sư phạm vào ngày tháng năm
Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia: Thư viện Trường Đại học Sư phạm - DHDN:

PHỤ LỤC 16

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/DHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHDN)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 202.....

VĂN BẢN ĐỒNG Ý CỦA CÁC ĐỒNG TÁC GIẢ

Kính gửi: Trường Đại học Sư phạm - ĐHDN

Chúng tôi là đồng tác giả của một số công trình nghiên cứu khoa học với NCS.....
Ngành:..... Mã số:.....
Cơ sở đào tạo:.....

- 1/ Chức danh khoa học, họ và tên, đơn vị công tác, điện thoại, Email...(tác giả 1)
- 2/ Chức danh khoa học, họ và tên, đơn vị công tác, điện thoại, Email...(tác giả 2)
- 3/ Chức danh khoa học, họ và tên, đơn vị công tác, điện thoại, Email...(tác giả 3)

Chúng tôi đồng ý cho nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả nghiên cứu trong các công trình nghiên cứu của chúng tôi vào kết quả nghiên cứu của luận án, cụ thể như sau:

- 1. Tác giả/nhóm tác giả (năm công bố), Tên bài báo, Tên tạp chí/ký yếu, Nơi xuất bản, Số tạp chí, trang...
- 2. Tác giả/nhóm tác giả (năm công bố), Tên bài báo, Tên tạp chí/ký yếu, Nơi xuất bản, Số tạp chí, trang...

Chữ ký xác nhận đồng ý của các đồng tác giả

Tác giả 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tác giả 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tác giả 3
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tác giả 4
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 17

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHDN)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 202...

GIỚI THIỆU DANH SÁCH HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN CẤP BỘ MÔN

Cho luận án của nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành:

Mã số:

Người hướng dẫn: 1. Chức danh khoa học, Họ và tên, đơn vị công tác;

2. Chức danh khoa học, Họ và tên, đơn vị công tác;

TT	CHỨC DANH KHOA HỌC, HỌ VỊ, HỌ VÀ TÊN	CHUYÊN NGÀNH	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	SỐ ĐIỆN THOẠI	TRÁCH NHIỆM TRONG HỘI ĐỒNG
1					Chủ tịch Hội đồng
2					Phản biện 1
3					Phản biện 2
4					Thư ký Hội đồng
5					Ủy viên
6					Ủy viên
7					Ủy viên
8					Ủy viên
9					Ủy viên
10					Ủy viên

* Danh sách có thành viên.

TRƯỜNG KHOA

Nơi nhận:

- Phòng ĐT;

- Lưu: VPK.

PHỤ LỤC 18

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

NHẬN XÉT CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Tên đề tài luận án:

.....

Ngành:

Mã số:

Họ và tên NCS:

Họ và tên người hướng dẫn

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Số điện thoại liên hệ:

NỘI DUNG NHẬN XÉT

1. Quá trình thực hiện luận án của nghiên cứu sinh

(Đánh giá năng lực nghiên cứu và tính độc lập trong công việc; mức độ cố gắng và nghiêm túc trong công việc; mức độ hoàn thành luận án theo yêu cầu, ...)

2. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

3. Những đóng góp mới của luận án

4. Kết luận

Đồng ý (hoặc Không đồng ý) cho phép NCS được bảo vệ luận án cấp Bộ môn/Trường.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20 ...

Người hướng dẫn

(Ký ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 19

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

PHIẾU NHẬN XÉT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

(Dành cho thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Khoa/Bộ môn)

Họ và tên người nhận xét:

Chức danh khoa học:..... Năm phong:..... Học vị:..... Năm công nhận:.....

Ngành:.....

Cơ quan công tác:

Trách nhiệm trong Hội đồng:

Họ và tên NCS:.....

Tên đề tài luận án:

.....

Ngành:..... Mã số:.....

NỘI DUNG NHẬN XÉT

1. Hình thức luận án:
2. Nội dung luận án:
 - 2.1 Sự cần thiết, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án:
 - 2.2 Sự phù hợp của tên đề tài nghiên cứu với mã ngành đào tạo:
 - 2.3 Sự trùng lặp của đề tài nghiên cứu (nếu NCS có sử dụng kết quả từ các nghiên cứu trước khi thực hiện luận án thì cho ý kiến nhận xét về tính hợp lý và khối lượng so với nội dung toàn luận án)
 - 2.4 Những đóng góp mới của luận án:
 - 2.5 Ưu và khuyết điểm của bản luận án:
 - 2.6 Nội dung luận án đã được công bố trên tạp chí và giá trị của công trình công bố:
 - 2.7 Đề nghị sửa chữa, bổ sung: (tên luận án, trình bày, tổng quan tài liệu, phương pháp nghiên cứu, kết quả và thảo luận, kết luận và đề xuất, tài liệu tham khảo,...)
3. Kết luận: (khẳng định mức độ đáp ứng các yêu cầu đối với luận án tiến sĩ)
 - Đạt yêu cầu bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường
 - Chưa đạt yêu cầu bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường

....., ngày tháng năm 20....

Người nhận xét

PHỤ LỤC 20

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/DHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHN)*

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ
LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP KHOA/BỘ MÔN**

1. Tên đề tài luận án:
2. Ngành:
3. Mã số:
4. NCS:
5. Quyết định thành lập Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp Bộ môn số/QĐ-ĐHSP ngày
.... tháng ... năm 201... của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.
6. Ngày họp Hội đồng:
7. Danh sách thành viên Hội đồng:

STT	HỌC HÀM, HỌC VỊ, HỌ VÀ TÊN	CHỨC TRÁCH TRONG HỘI ĐỒNG
1.		Chủ tịch Hội đồng
2.		Phản biện 1
3.		Phản biện 2
4.		Ủy viên
5.		Ủy viên
6.		Ủy viên
7.		Thư ký Hội đồng

Có mặt:thành viên. Vắng mặt:

Khách mời:

Về phía cơ sở đào tạo:

7. Nghiên cứu sinh trình bày luận án.
8. Các ủy viên phản biện đọc bản phản biện luận án.
9. Câu hỏi và trả lời: **Theo phần đính kèm.**
10. Các ý kiến đóng góp khác:

11. Kết luận của Hội đồng

1. Kết luận về tính cấp thiết, ý nghĩa khoa học và thực tiễn về đề tài luận án; Sự phù hợp giữa nội dung luận án với mã ngành đào tạo.

2. Kết luận về phương pháp nghiên cứu, mức độ chính xác của dữ liệu sử dụng...

3. Kết luận về những thành công và đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn

4. Kết luận về các hạn chế và yêu cầu chỉnh sửa

5. Kết luận về việc trả lời câu hỏi, trình độ và hiểu biết của nghiên cứu sinh

6. Kết luận chung

- Kết quả bỏ phiếu

- Kết luận về giá trị khoa học và thực tiễn của luận án, kết luận về trình độ và năng lực của nghiên cứu sinh.

- Kết luận về yêu cầu sửa chữa luận án.

- Kết luận chung:

+ Luận án đủ điều kiện đưa ra phân biện độc lập và bảo vệ cấp Trường sau chỉnh sửa.

+ Luận án chưa đủ điều kiện đưa ra phân biện độc và bảo vệ cấp trường; cần chỉnh sửa và bảo vệ lại.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 201...

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHỤ LỤC 21

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 202.....

ĐƠN XIN BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Kính gửi: Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐN

Họ và tên NCS:
Đơn vị công tác:
Ngành đào tạo:

Khóa:
Mã số:

Tôi được công nhận là nghiên cứu sinh theo Quyết định số/QĐ-ĐHQĐN ngày .../.../.... của Giám đốc Đại học Đà Nẵng và Quyết định giao đề tài số/QĐ-ĐHSP ngày .../.../.... của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐN.

Sau thời gian học tập và thực hiện đề tài nghiên cứu, đến nay tôi đã hoàn thành luận án tiến sĩ.

Tên đề tài: ".....".

Ngành:

Mã số:

Dưới sự hướng dẫn:

1/Người hướng dẫn chính:

2/Người hướng dẫn phụ:

Tôi đã hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định, đã báo cáo luận án tại Bộ môn/Khoa vào ngày....tháng....năm và đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Bộ môn/Khoa đồng ý cho phép tôi được bảo vệ luận án cấp Trường.

Vậy tôi làm đơn này kính đề nghị cơ sở đào tạo cho phép tôi được bảo vệ luận án trước Hội đồng chấm luận án Trường.

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20.....

Người làm đơn

PHỤ LỤC 22

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN)

1. TIẾNG VIỆT

TRANG THÔNG TIN LUẬN ÁN TIẾN SỸ

Tên đề tài: (nếu tên đề tài)

Ngành: (ghi tên ngành đào tạo)

Họ và tên NCS: (ghi đầy đủ họ tên)

Người hướng dẫn khoa học: 1. (ghi đầy đủ họ tên, học vị, học hàm)
2. (ghi đầy đủ họ tên, học vị, học hàm)

Cơ sở đào tạo: (ghi tên trường/ cơ sở đào tạo)

Tóm tắt (Trình bày tóm tắt, font chữ Times New Roman 11, viết thường trong khoảng từ 500 đến 600 từ với các nội dung: **Những kết quả chính của luận án. Nêu được những đóng góp mới của luận án, khả năng ứng dụng trong thực tế và hướng nghiên cứu tiếp theo của đề tài.**)

Từ khóa: (nếu ít nhất 5 từ khóa, font chữ Times New Roman 11, viết thường, đậm).

2. TIẾNG ANH

INFORMATION PAGE OF DOCTORAL THESIS

Name of thesis :

Major:

Full name of PhD student:

Supervisors: 1.
2.

Training institution:

Abstract (Summarize contents of about 500 - 600 words with **font Times New Roman 11**):
The major results of thesis.State the new contributions of the thesis, the applicability in practice and subsequent research of the thesis.

Key words:Set 05 key words at least.

PHỤ LỤC 23

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐN)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC:

Họ và tên:
Giới tính:
Sinh ngày.....thángnămtại:.....
Quê quán.....
Dân tộc:
Chức vụ, đơn vị công tác trước khi đi học tập, nghiên cứu:
Điện thoại cơ quan
Điện thoại di động:
E-mail:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo: từ đến
Nơi học:
Ngành học:
Tên luận văn:

Ngày và nơi bảo vệ đồ án, luận văn hoặc thi tốt nghiệp:
Người hướng dẫn:

2. Thạc sĩ:

Hệ đào tạo:
Thời gian đào tạo: Từ đến
Nơi học:
Ngành học:
Tên luận văn:

Người hướng dẫn:
Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

3. Tiến sĩ:

Hệ đào tạo:
Thời gian đào tạo: Từ đến
Nơi học:
Ngành học:

Tên luận án:

Người hướng dẫn 1:

Người hướng dẫn 2:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

4. Trình độ ngoại ngữ:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KÉ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
QUẢN LÝ**

..... ngày tháng năm 202...
Người khai ký tên

PHỤ LỤC 24

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHDN)

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày tháng năm 202...

**GIỚI THIỆU DANH SÁCH
HỘI ĐỒNG CHẤM LUẬN ÁN CẤP TRƯỜNG**

Cho luận án của nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành:

Mã số:

Người hướng dẫn: 1. Chức danh khoa học, Họ và tên, đơn vị công tác;
2. Chức danh khoa học, Họ và tên, đơn vị công tác;

TT	CHỨC DANH KHOA HỌC, HỌC VỊ, HỌ VÀ TÊN	CHUYÊN NGÀNH	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	SỐ ĐIỆN THOẠI	TRÁCH NHIỆM TRONG HỘI ĐỒNG
1					Chủ tịch Hội đồng
2					Phản biện 1
3					Phản biện 2
4					Phản biện 3
5					Thư ký Hội đồng
6					Ủy viên
7					Ủy viên
8					Ủy viên
9					Ủy viên
10					Ủy viên
11					Ủy viên
12					Ủy viên
13					Ủy viên
14					Ủy viên
15					Ủy viên

* Danh sách có thành viên.

TRƯỜNG KHOA

Nơi nhận:

- Phòng ĐT;

- Lưu: VPK.

PHỤ LỤC 25

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐN)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

BẢN NHẬN XÉT LUẬN ÁN

(Dành cho thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường)

Họ và tên người nhận xét:
Chức danh khoa học:..... Năm phong:..... Học vị:..... Năm công nhận:.....
Chuyên ngành:
Cơ quan công tác:.....
Trách nhiệm trong Hội đồng
Họ và tên NCS:.....
Tên đề tài luận án:
Ngành:..... Mã số:.....

NỘI DUNG NHẬN XÉT

1. Tính cần thiết, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài
.....
2. Sự không trùng lặp của đề tài nghiên cứu so với các công trình, luận văn, luận án đã công bố ở trong và ngoài nước; tính trung thực, rõ ràng và đầy đủ trong trích dẫn tài liệu tham khảo
.....
3. Sự phù hợp giữa tên đề tài với nội dung, giữa nội dung với mã ngành đào tạo.
.....
4. Độ tin cậy và tính hiện đại của phương pháp đã sử dụng để nghiên cứu.
.....
5. Kết quả nghiên cứu mới của tác giả; đóng góp mới cho sự phát triển khoa học của ngành; đóng góp mới cho phục vụ sản xuất, kinh tế quốc phòng, xã hội và đời sống. ý nghĩa khoa học của các công trình đã công bố.
.....
6. Kết luận: Khẳng định mức độ đáp ứng các yêu cầu đối với một luận án Tiến sĩ theo quy định; bản tóm tắt luận án phản ánh trung thành nội dung cơ bản của luận án hay không; luận án có thể đưa ra bảo vệ để nhận học vị Tiến sĩ được hay không?
.....

Đà Nẵng, ngày tháng năm 202...

Người nhận xét
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 26

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHDN)*

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHIẾU ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ
(DÙNG TRONG BUỔI HỌP CHẤM LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG)

Nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành:

Mã số:

Ngày họp Hội đồng:

Họ và tên người đánh giá:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Chức trách trong Hội đồng chấm luận án:

Ý kiến đánh giá (ghi rõ *Đạt hay Không đạt*):

Người đánh giá

(kí và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 27

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHQN)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN CẤP TRƯỞNG

Cho NCS:

Về đề tài:

Bảo vệ tại:

Thời gian: _____ giờ _____ ngày _____ tháng _____ năm 20_____

Tham gia kiểm phiếu gồm:

1. Chủ tịch Hội đồng
2. Ủy viên Thư ký
3. Ủy viên

Kết quả kiểm phiếu:

- Số phiếu phát ra: _____
- Số phiếu thu về: _____
- Số phiếu "tán thành": _____
- Số phiếu "không tán thành": _____

Đà Nẵng, ngày _____ tháng _____ năm _____

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHỤ LỤC 28

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/ĐHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN)

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG

1. Tên đề tài luận án:
2. Ngành:
3. Mã ngành:
4. NCS:
5. Quyết định thành lập Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp số/QĐ-ĐHQĐHN ngày
... tháng ... năm 201... của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.
6. Ngày họp Hội đồng:
7. Danh sách thành viên Hội đồng:

STT	HỌC HÀM, HỌC VỊ, HỌ VÀ TÊN	CHỨC TRÁCH TRONG HỘI ĐỒNG
1.		Chủ tịch Hội đồng
2.		Phản biện 1
3.		Phản biện 2
4.		Phản biện 3
5.		Ủy viên
6.		Ủy viên
7.		Thư ký Hội đồng

Có mặt:thành viên. Vắng mặt:

Khách mời:

Về phía cơ sở đào tạo:

7. Nghiên cứu sinh trình bày luận án.

8. Các ủy viên phản biện đọc bản phản biện luận án.

9. Câu hỏi và trả lời: **Theo phần đính kèm.**

10. Các ý kiến đóng góp khác:

11. Kết luận của Hội đồng

1. Kết luận về tính cấp thiết, ý nghĩa khoa học và thực tiễn về đề tài luận án; Sự phù hợp giữa nội dung luận án và mã ngành đào tạo.

2. Kết luận về phương pháp nghiên cứu, mức độ chính xác của dữ liệu sử dụng...

3. Kết luận về những thành công và đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn

4. Kết luận về các hạn chế và yêu cầu chỉnh sửa

5. Kết luận về việc trả lời câu hỏi, trình độ và hiểu biết của nghiên cứu sinh

6. Kết luận chung

- Kết quả bỏ phiếu

- Kết luận về giá trị khoa học và thực tiễn của luận án, kết luận về trình độ và năng lực của nghiên cứu sinh.

- Kết luận về yêu cầu sửa chữa luận án.

- Kết luận về việc đề nghị cấp bằng tiến sĩ và nhận học vị tiến sĩ.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 202...

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHỤ LỤC 29

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/DHSP-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHDN)

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày... tháng ... năm 202...

**NGHỊ QUYẾT
CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG**

Nghiên cứu sinh: Khóa:
Tên đề tài luận án:
Ngành: Mã số:
Họp ngày: / / Địa điểm:

Sau khi nghe NCS trình bày luận án, các ý kiến nhận xét của 02 phản biện, ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng và những người tham dự. Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường nhất trí đi đến Nghị quyết sau:

- 1. Tên đề tài luận án phù hợp với chuyên ngành:, Mã số:
- 2. Luận án không trùng lặp với các công trình, luận văn, luận án đã công bố trong và ngoài nước.
- 3. Những kết luận khoa học chính, những điểm mới, đóng góp mới của luận án:

.....
.....
.....
.....
.....

- 4. Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và kết luận trong luận án:

.....
.....
.....
.....
.....

- 5. Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án:

.....
.....
.....
.....

.....
.....

6. Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có):

.....
.....
.....
.....
.....

7. Kết quả xin ý kiến Hội đồng về việc công nhận học vị tiến sĩ cho NCS:

Có phiếu đồng ý.

Có phiếu không đồng ý.

8. Hội đồng đề nghị Trường Đại học Sư phạm xem xét, công nhận học vị tiến sĩ cho NCS sau khi NCS đã hoàn thành hồ sơ sau bảo vệ luận án theo quy định.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

XÁC NHẬN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

PHỤ LỤC 30

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/DHSP-DT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - ĐHDN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày tháng năm 202...

Kính gửi: Trường Đại học Sư phạm - ĐHDN

BẢN TƯỜNG TRÌNH CHỈNH SỬA, BỔ SUNG LUẬN ÁN

Họ và tên NCS:

Khóa học:

Tên đề tài luận án

Ngành

Mã số:

Người hướng dẫn khoa học: 1. Chức danh khoa học, học vị học và tên.
2. Chức danh khoa học, học vị học và tên.

Theo góp ý của Hội đồng đánh giá luận tiến sĩ cấp, họp vào ngày....tháng....năm.....tại Trường Đại học Sư phạm - ĐHDN, tôi đã chỉnh sửa, bổ sung những nội dung sau:



Nội dung góp ý	Giải trình điều chỉnh	Ghi chú
Chủ tịch hội đồng:		
1.		
2.		
Phản biện 1: (tên, chức danh)		
1.		
2.		
Phản biện 2: (tên, chức danh)		
1.		
2.		
Ủy viên: (tên, chức danh)		
1.		
2.		
Thư ký:		
1.		
2.		

Người hướng dẫn

Nghiên cứu sinh

**Chủ tịch Hội đồng
Chấm luận án cấp**